

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	3
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 67

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Thành	Chủ tịch
Ông Lê Quốc Bình	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Chính	Thành viên
Ông Jose Ma. Kamantigue Lim	Thành viên
Ông Francis Gerard Elizaga Aberilla	Thành viên
Bà Marisa Valencia Conde	Thành viên độc lập (bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2026)
Ông Luis Soriano Reñon	Thành viên độc lập (miễn nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2026)
Ông Lê Văn Nam	Thành viên độc lập

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Trưởng ban
Bà Dương Thị Long Nghi	Thành viên
Bà Lương Kim Diên An	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Chính	Tổng Giám đốc
Ông Francis Gerard Elizaga Aberilla	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Duy Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Trung Hiếu	Giám đốc Tài chính

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này là ông Nguyễn Văn Chính - Tổng Giám đốc Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế AGN International.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Văn Chính
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2026

Số: 2546/2026/BCSX-ICPA.SG

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Quý Cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28 tháng 8 năm 2026, từ trang 4 đến trang 67, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



Lương Giang Thạch
Phó Giám đốc Chi nhánh
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2178-2023-072-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ (Trình bày lại)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.680.447.254.829	1.884.949.077.535
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	VI.1	254.561.342.930	382.243.876.452
1. Tiền	111		178.981.325.104	151.466.190.221
2. Các khoản tương đương tiền	112		75.580.017.826	230.777.686.231
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	VI.2	995.363.686.132	1.068.640.073.130
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	2.a	1.020.446.674.476	1.093.723.061.474
2. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	124	2.a	(25.082.988.344)	(25.082.988.344)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		385.746.185.344	408.580.002.774
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	VI.3	6.225.633.877	13.302.157.125
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	VI.4	31.922.660.644	18.846.680.501
3. Phải thu ngắn hạn khác	135	VI.5	418.446.060.046	441.114.796.101
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó	136	VI.6	(70.848.169.223)	(64.683.630.953)
IV. Hàng tồn kho	140	VI.7	23.419.017.388	1.020.461.985
1. Hàng tồn kho	141		23.419.017.388	1.020.461.985
V. Tài sản ngắn hạn khác	160		21.357.023.035	24.464.663.194
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	VI.8	1.390.068.496	380.442.416
2. Thuế GTGT được khấu trừ	162		16.309.493.899	20.640.539.919
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	VI.18	2.157.460.640	1.943.680.859
4. Tài sản ngắn hạn khác	165	VI.9	1.500.000.000	1.500.000.000

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

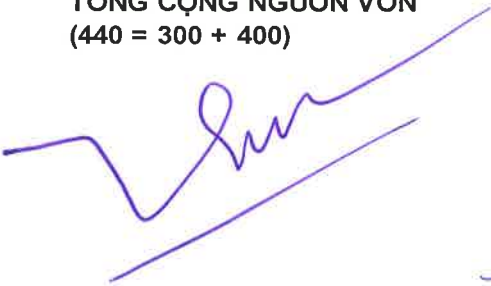
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ (Trình bày lại)
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		21.387.497.435.441	21.605.487.027.951
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.719.633.261.800	1.682.085.495.808
1. Phải thu dài hạn khác	215	VI.5	1.719.633.261.800	1.682.085.495.808
II. Tài sản cố định	220		14.931.548.383.847	15.284.340.351.895
1. Tài sản cố định hữu hình	221	VI.10	11.420.005.455	9.347.600.524
- Nguyên giá	222		46.451.620.915	45.044.591.551
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(35.031.615.460)	(35.696.991.027)
2. Tài sản cố định vô hình	227	VI.11	14.920.128.378.392	15.274.992.751.371
- Nguyên giá	228		19.252.926.622.777	19.249.354.835.216
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.332.798.244.385)	(3.974.362.083.845)
III. Tài sản dở dang dài hạn	250		1.691.544.480	1.814.895.263
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252	VI.12	1.691.544.480	1.814.895.263
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	260	VI.2	1.420.574.507	1.370.238.161
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	265	2.a	1.420.574.507	1.370.238.161
V. Tài sản dài hạn khác	270		4.733.203.670.807	4.635.876.046.824
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	VI.8	4.296.347.070.570	4.176.581.083.143
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	272	VI.13	241.739.910.078	247.395.738.552
3. Lợi thế thương mại	279	VI.14	195.116.690.159	211.899.225.129
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280 = 100 + 200)	280		23.067.944.690.270	23.490.436.105.486

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ (Trình bày lại)
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		16.672.259.867.185	17.319.464.532.476
I. Nợ ngắn hạn	310		2.302.715.179.407	2.145.738.025.476
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	VI.15	236.847.302.568	342.730.030.525
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	VI.16	11.220.083.575	256.726.111
3. Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313	VI.17	561.211.478.297	581.178.617.560
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	VI.18	44.479.980.464	42.109.042.467
5. Phải trả người lao động	315		22.082.269.278	28.496.753.616
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	VI.19	111.213.899.465	83.182.987.397
7. Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn	319		189.363.631	-
8. Phải trả ngắn hạn khác	320	VI.20	56.658.077.766	49.265.560.271
9. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	VI.21	1.252.167.133.384	1.012.649.011.085
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		6.645.590.979	5.869.296.444
II. Nợ dài hạn	330		14.369.544.687.778	15.173.726.507.000
1. Phải trả dài hạn khác	338	VI.20	8.612.091.258	8.612.091.258
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339	VI.21	14.226.196.848.367	15.023.889.664.629
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	342	VI.13	134.735.748.153	141.224.751.113
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	VI.22	6.395.684.823.085	6.170.971.573.010
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		2.121.303.080.000	2.121.303.080.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.121.303.080.000	2.121.303.080.000
2. Thặng dư vốn	412		3.138.829.914	3.138.829.914
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		106.028.174.597	106.028.174.597
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		2.298.084.776.217	2.160.611.664.246
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	420a		2.149.848.154.454	1.650.228.489.623
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	420b		148.236.621.763	510.383.174.623
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		1.867.129.962.357	1.779.889.824.253
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		23.067.944.690.270	23.490.436.105.486



Phùng Thị Thắm
Người lập biểu



Lương Thị Thu Yến
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Chính
Tổng Giám đốc

Phê duyệt, ngày 28 tháng 8 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VII.1	1.430.409.350.402	1.328.215.505.741
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VII.1	40.355.414.202	51.224.557.872
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	VII.1	1.390.053.936.200	1.276.990.947.869
4. Giá vốn hàng bán	11	VII.2	461.748.882.467	455.857.119.036
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		928.305.053.733	821.133.828.833
6. Lãi của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21		-	-
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22	VII.3	91.222.598.544	231.658.004.266
8. Chi phí tài chính	23	VII.4	585.724.473.576	473.609.103.614
- Trong đó: Chi phí lãi vay và các chi phí khác liên quan đến khoản vay	24		585.724.473.576	473.609.103.614
9. Chi phí bán hàng	25	VII.5	56.490.958.323	61.548.167.802
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VII.6	78.859.462.752	76.985.740.984
11. Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết	27		-	-
12. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + 21 + 22 - (23 + 25 + 26 + 27)}	30		298.452.757.626	440.648.820.699
13. Thu nhập khác	31		896.405.565	74.529.729
14. Chi phí khác	32		154.466.093	309.674.747
15. Lợi nhuận/(lỗ) khác (40 = 31 - 32)	40		741.939.472	(235.145.018)
16. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		299.194.697.098	440.413.675.681
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VII.8	39.041.711.717	36.791.739.099
18. Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.13	(833.174.486)	(11.229.904.948)
19. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		260.986.159.867	414.851.841.530
20. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		148.236.621.763	304.969.657.490
21. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		112.749.538.104	109.882.184.040
22. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VII.9	682	1.563
23. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VII.9	682	1.563


Phùng Thị Thắm
Người lập biểu

Lương Thị Thu Yến
Kế toán trưởngNguyễn Văn Chính
Tổng Giám đốc

Phê duyệt, ngày 28 tháng 8 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	299.194.697.098	440.413.675.681
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định và phân bổ lợi thế thương mại	02	376.399.519.943	364.295.816.066
Các khoản dự phòng	03	6.164.538.270	6.264.538.270
Lãi từ hoạt động đầu tư, tài chính	05	(28.844.894.567)	(42.826.049.204)
Chi phí lãi vay và các chi phí khác liên quan đến khoản vay	06	585.724.473.576	473.609.103.614
Các khoản điều chỉnh khác	07	(21.869.971.780)	(136.765.045.867)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	1.216.768.362.540	1.104.992.038.560
Giảm/(tăng) các khoản phải thu	09	11.846.481.863	(1.191.361.275)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(22.398.555.403)	5.307.852.641
(Giảm)/tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(11.166.807.644)	28.406.909.921
Giảm chi phí chờ phân bổ	12	48.133.432.031	7.969.108.892
Chi phí đi vay đã trả	14	(732.195.262.327)	(699.122.428.315)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(38.468.390.083)	(45.436.350.633)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(10.996.615.257)	(8.065.347.576)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	461.522.645.720	392.860.422.215
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(88.576.827.170)	(49.080.109.290)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(58.049.040.663)	(947.815.861.523)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	136.993.404.746	456.392.889.814
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(35.306.000)
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	23.126.581.136	42.593.055.606
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	13.494.118.049	(497.945.331.393)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay và hợp tác đầu tư	33	272.325.954.309	1.299.129.756.801
2. Tiền trả nợ gốc vay và hợp tác đầu tư	34	(830.558.112.337)	(994.897.044.137)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(44.467.139.263)	(47.844.421.912)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(602.699.297.291)	256.388.290.752
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(127.682.533.522)	151.303.381.574
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	382.243.876.452	305.454.143.139
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	254.561.342.930	456.757.524.713

Phùng Thị Thắm
Người lập biểu

Lương Thị Thu Yến
Kế toán trưởng



Phê duyệt, ngày 28 tháng 8 năm 2026

Nguyễn Văn Chính
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (sau đây gọi tắt là "Công ty") được chuyển đổi từ Công ty Cổ phần Cơ khí Lữ Gia, một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập năm 1978 theo Quyết định số 8032/QĐ-UB-KT ngày 28 tháng 12 năm 1999 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300482241 do Sở Tài chính (tiền thân là Sở kế hoạch và Đầu tư) Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 08 tháng 3 năm 2000 và qua các lần điều chỉnh trong đó lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 24 ngày 25 tháng 12 năm 2025 về việc tăng vốn điều lệ và thay đổi địa chỉ trụ sở chính của Công ty.

Công ty mẹ của Công ty là Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh ("Công ty CII"), trụ sở chính tại Tầng 12, 152 Điện Biên Phủ, Phường Thạnh Mỹ Tây, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Tại ngày cuối kỳ, tỷ lệ sở hữu của Nhóm Công ty CII là 54,87%.

Vốn điều lệ của Công ty là 2.121.303.080.000 đồng, được chia thành 212.130.308 cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Tầng 21, 152 Điện Biên Phủ, Phường Thạnh Mỹ Tây, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: CII Bridges and Roads Investment Joint Stock Company, tên viết tắt là: CII Bridges and Roads.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, mã cổ phiếu: LGC.

Tổng số nhân viên của Công ty và các công ty con tại ngày cuối kỳ và ngày đầu kỳ lần lượt là 281 người và 283 người.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty: sản xuất thiết bị điện; hoạt động kiến trúc, tư vấn kỹ thuật có liên quan; bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng, máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; lắp đặt hệ thống điện; hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác; giáo dục nghề nghiệp; kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; sửa chữa thiết bị điện; sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại; lắp đặt hệ thống xây dựng khác; vận tải hàng hóa ven biển, viễn dương, đường thủy nội địa, đường bộ; hoạt động của các cơ sở, câu lạc bộ thể thao; quảng cáo; khai thác xử lý, cung cấp nước; lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; phá dỡ; xây dựng công trình công ích; xây dựng công trình đường sắt và đường bộ, nhà để ở, không để ở; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ là đầu tư xây dựng, khai thác, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật đô thị theo phương thức hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (B.O.T); thi công, lắp đặt hệ thống thiết bị thu phí, duy tu bảo dưỡng công trình giao thông và công trình công cộng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh của hoạt động đầu tư xây dựng hạ tầng của Công ty bắt đầu từ thời điểm xin giấy phép đầu tư, thực hiện giải phóng mặt bằng, xây dựng cơ bản cho đến thời điểm hoàn thành đưa vào sử dụng. Do vậy, chu kỳ sản xuất kinh doanh của các hoạt động này ước tính trong vòng từ 24 tháng đến 60 tháng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của các hoạt động khác của Công ty thông thường được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (tiếp theo)
Cấu trúc doanh nghiệp

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày cuối kỳ như sau:

Tên công ty	Tại thời điểm cuối kỳ				Tại thời điểm đầu kỳ				Hoạt động chính
	Tỷ lệ biểu quyết nắm giữ (%)		Tỷ lệ lợi ích thực tiếp (%)		Tỷ lệ biểu quyết nắm giữ (%)		Tỷ lệ lợi ích thực tiếp (%)		
	Tổng tỷ lệ (%)	Sở hữu gián tiếp (%)	Tổng tỷ lệ (%)	Sở hữu trực tiếp (%)	Tổng tỷ lệ (%)	Sở hữu gián tiếp (%)	Tổng tỷ lệ (%)	Sở hữu trực tiếp (%)	
1. Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận (i)	89%	89%	89%	0%	89%	89%	89%	0%	Đầu tư dự án B.O.T đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận
2. Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	51%	51%	51%	0%	51%	51%	51%	0%	Đầu tư dự án B.O.T mở rộng Xa lộ Hà Nội
3. Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận	100%	100%	100%	0%	100%	100%	100%	0%	Đầu tư dự án B.O.T mở rộng Quốc lộ 1 đoạn qua tỉnh Ninh Thuận
4. Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	50,36%	50,71%	50,71%	0%	50,36%	50,71%	50,71%	0%	Đầu tư dự án B.O.T cầu Rạch Miễu và mở rộng, nâng cấp 4 đoạn tuyến Quốc lộ 60
5. Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên	51%	51%	51%	0%	51%	51%	51%	0%	Đầu tư dự án B.O.T cầu Cổ Chiên
6. Công ty TNHH MTV Cầu đường Hiền An Bình	100%	100%	100%	0%	100%	100%	100%	0%	Đầu tư vào các công ty dự án cầu đường
7. Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	99,99%	99,99%	99,99%	0%	99,99%	99,99%	99,99%	0%	Đầu tư dự án B.O.T mở rộng Quốc lộ 1 đoạn qua Tp. Phan Rang - Tháp Chàm
8. Công ty Cổ phần Dịch vụ Quản lý Khai thác Cầu đường CII	66,67%	66,67%	66,67%	0%	66,67%	66,67%	66,67%	0%	Cung cấp các dịch vụ về hạ tầng và thu phí giao thông
9. Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG (Đầu tư gián tiếp thông qua Công ty TNHH MTV Cầu đường Hiền An Bình)	100%	100%	0%	100%	100%	100%	0%	100%	Đầu tư dự án B.O.T nâng cấp mở rộng đường ĐT 741

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (tiếp theo)**Cấu trúc doanh nghiệp** (tiếp theo)

- (i) Theo biên bản thỏa thuận giữa Công ty, Công ty CII và cổ đông có liên quan ký ngày 08 tháng 12 năm 2015, Công ty CII sẽ chịu trách nhiệm đối với các nghĩa vụ đồng thời được hưởng toàn bộ quyền và lợi ích phát sinh từ khoản đầu tư vốn vào Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2026, Công ty đã áp dụng Thông tư số 99/2025/TT-BTC ("Thông tư 99") do Bộ Tài chính ban hành ngày 27 tháng 10 năm 2025 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính và Thông tư số 43/2026/TT-BTC ("Thông tư 43") do Bộ Tài chính ban hành ngày 20 tháng 4 năm 2026 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong đó, Công ty áp dụng các thay đổi về chính sách kế toán theo quy định tại Thông tư 99 và Thông tư 43 có ảnh hưởng đến Công ty trên cơ sở phi hồi tố. Công ty cũng đã trình bày lại dữ liệu tương ứng của kỳ trước đối với một số chỉ tiêu phù hợp với quy định của Thông tư 99 và Thông tư 43 (chi tiết được trình bày tại Thuyết minh số VIII.5). Do đó, thông tin trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này là có thể so sánh được.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỲ KẾ TOÁN**Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 hàng năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Áp dụng hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp**

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC ("Thông tư 99") hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư 99 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014.

Ngày 20 tháng 4 năm 2026, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 43/2026/TT-BTC ("Thông tư 43") sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 202/2014/TT-BTC ("Thông tư 202") ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thông tư 99 và Thông tư 43 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026. Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư 43 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán Việt Nam và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư 99, Thông tư 202 và Thông tư 43 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty và báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho cùng kỳ kế toán. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính** (tiếp theo)

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản thuần được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản thuần được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Trường hợp trước ngày Công ty đạt được quyền kiểm soát, Công ty không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc, khi đạt được quyền kiểm soát đối với công ty con, Công ty đánh giá lại giá trị khoản đầu tư trước đây theo giá trị hợp lý tại ngày kiểm soát công ty con trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

Trường hợp trước ngày Công ty đạt được quyền kiểm soát, công ty con là công ty liên kết, liên doanh của Công ty và đã được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khi đạt được quyền kiểm soát, Công ty đánh giá lại giá trị khoản đầu tư theo giá trị hợp lý trên báo cáo tài chính hợp nhất. Phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Ảnh hưởng của các giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Công ty trong các công ty con nhưng không làm mất đi quyền kiểm soát được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư.

Lợi thế thương mại từ việc mua công ty con được coi là một loại tài sản vô hình, được trình bày riêng như một loại tài sản dài hạn khác trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm. Định kỳ, Công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con. Nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Công ty không phân bổ dần khoản lợi thế thương mại này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Lợi thế thương mại** (tiếp theo)

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi hoặc lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Lãi từ nghiệp vụ mua giá rẻ

Lãi phát sinh do giao dịch mua rẻ là phần phụ trội lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng đánh giá được của công ty con, công ty liên kết, và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát tại ngày phát sinh nghiệp vụ mua công ty so với giá phí hợp nhất kinh doanh. Lãi phát sinh do giao dịch mua rẻ được hạch toán ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tại thời điểm phát sinh.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 3 tháng), có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền, ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị và không bị hạn chế sử dụng.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng, giấy tờ có giá (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu, chứng chỉ tiền gửi), trái phiếu, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác hoặc có bản chất tương tự và không bao gồm các công cụ phái sinh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm mệnh giá trừ (-) số tiền lãi nhận trước cho nhiều kỳ (trường hợp khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nhận lãi trước) cộng (+) số phụ trội hoặc trừ (-) chiết khấu.

Sau ghi nhận ban đầu, các khoản chiết khấu và/hoặc phụ trội được phân bổ theo phương pháp đường thẳng phù hợp với kỳ hạn của khoản đầu tư, cụ thể:

- Chiết khấu của khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân bổ dần để tính vào doanh thu hoạt động tài chính từng kỳ trong suốt thời hạn của khoản đầu tư;
- Phụ trội của khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân bổ dần để giảm trừ doanh thu tài chính từng kỳ trong suốt thời hạn của khoản đầu tư.

Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ đều vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của khoản đầu tư. Lãi nhận sau hoặc lãi nhận định kỳ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính tương ứng với kỳ hưởng lãi.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập khi có bất kỳ dấu hiệu hoặc bằng chứng nào cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty có khả năng không thu hồi được.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng kinh tế ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ báo cáo được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất. Chi phí trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất không được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp cho đến khi hàng được thanh lý.

Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ báo cáo được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến vị trí và trạng thái cần thiết để tài sản có khả năng hoạt động theo cách thức dự định của doanh nghiệp.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản cố định đến vị trí và trạng thái có khả năng hoạt động.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc, thiết bị	5 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 8

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm giá trị quyền thu phí giao thông, quyền sử dụng đất và chương trình phần mềm.

Quyền thu phí giao thông là tài sản cố định vô hình có được từ hợp đồng B.O.T được ký giữa Công ty với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Nguyên giá của tài sản được xác định theo giá trị quyết toán của dự án trên cơ sở là các chi phí mà Công ty đã bỏ ra để thực hiện đầu tư vào dự án và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chấp thuận. Quyền thu phí giao thông được khấu hao theo tỷ lệ doanh thu phù hợp với thời gian khai thác thu phí hoàn vốn. Công ty sẽ điều chỉnh tỷ lệ khấu hao khi phương án tài chính của dự án thay đổi do cập nhật dòng tiền thu phí theo lưu lượng xe thực tế trên nguyên tắc bảo toàn vốn chủ sở hữu của dự án theo hợp đồng B.O.T.

Quyền thu phí giao thông mà Công ty có được thông qua việc mua lại công ty con được vốn hóa và ghi nhận như một tài sản cố định vô hình. Giá trị hợp lý của các Quyền thu phí có được từ việc hợp nhất kinh doanh, được xác định bằng cách sử dụng phương pháp chiết khấu dòng tiền thu phí trong tương lai, giá trị của quyền thu phí được định giá sau khi đã trừ đi phần giá trị hợp lý cho các tài sản góp phần tạo ra luồng lưu chuyển tiền đó. Phần chênh lệch giữa giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ của tài sản tại ngày hợp nhất kinh doanh được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thu phí giao thông còn lại kể từ thời điểm hợp nhất kinh doanh của dự án.

Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng. Quyền sử dụng đất lâu dài theo quy định hiện hành không tính khấu hao.

Phần mềm vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian từ 3 đến 8 năm.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản cố định vô hình là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc bao gồm các chi phí cần thiết và không thể tránh được để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái có khả năng hoạt động.

Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí chờ phân bổ chủ yếu bao gồm chi phí lãi vay của dự án B.O.T, chi phí sửa chữa, trung tu cầu đường, chi phí liên quan đến thủ tục vay vốn và các khoản chi phí chờ phân bổ khác.

Chi phí lãi vay của các dự án B.O.T được ghi nhận là một khoản chi phí chờ phân bổ, bao gồm chi phí đi vay của các khoản vay trực tiếp đầu tư vào dự án nhưng không được vốn hóa vào nguyên giá quyền thu phí giao thông theo quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và chi phí lãi vay phát sinh trong giai đoạn khai thác hoàn vốn đầu tư. Các chi phí này được phân bổ vào kết quả kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ doanh thu thu phí khi dự án bắt đầu đi vào hoạt động trên nguyên tắc bảo toàn vốn chủ sở hữu của dự án theo hợp đồng B.O.T.

Các khoản chi phí sửa chữa, trung tu cầu đường được thực hiện theo quy định của hợp đồng B.O.T và được phân bổ theo thời gian sửa chữa, trung tu định kỳ của từng dự án.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Chi phí chờ phân bổ** (tiếp theo)

Các khoản chi phí làm thủ tục vay vốn liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty được phân bổ theo đường thẳng trong suốt thời hạn của khoản vay.

Các khoản chi phí chờ phân bổ khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp theo các quy định kế toán hiện hành.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Phải trả người bán

Phải trả người bán là các khoản nợ phải trả phát sinh từ việc mua hàng hóa, dịch vụ hoặc tài sản từ người bán trong hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp. Các khoản phải trả người bán được thể hiện theo giá gốc.

Phải trả cổ tức

Phải trả cổ tức phản ánh số cổ tức phải trả cho các cổ đông. Các khoản phải trả cổ tức được ghi nhận khi Công ty không có quyền từ chối nghĩa vụ chi trả cổ tức cho các cổ đông theo quy định của pháp luật.

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ mà Công ty đã nhận được nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có đủ hồ sơ, chứng từ, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán.

Vay

Vay được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ đi vay trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Trái phiếu phát hành**

Công ty phát hành trái phiếu thường cho mục đích vay dài hạn.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu thường được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trừ đi chi phí phát hành thành công. Chi phí phát hành được phân bổ cho cả trái phiếu phát hành thành công và không thành công theo số lượng trái phiếu. Chi phí phát hành phân bổ cho trái phiếu phát hành không thành công được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong kỳ.

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ (-) Chiết khấu trái phiếu cộng (+) Phụ trội trái phiếu.

Công ty theo dõi chiết khấu và phụ trội cho từng loại trái phiếu phát hành và tình hình phân bổ từng khoản chiết khấu, phụ trội khi xác định chi phí đi vay tính vào chi phí sản xuất kinh doanh hoặc vốn hoá theo từng kỳ, cụ thể:

- Chiết khấu trái phiếu được phân bổ dần để tính vào chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu;
- Phụ trội trái phiếu được phân bổ dần để giảm trừ chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu;

Công ty phân bổ khoản chiết khấu hoặc phụ trội theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

Các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành trái phiếu được ghi nhận giảm trừ vào mệnh giá trái phiếu tại thời điểm phát sinh. Định kỳ, chi phí phát hành trái phiếu sẽ được phân bổ vào chi phí đi vay trong kỳ theo phương pháp nhất quán với việc phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội. Việc phân bổ được thực hiện bằng cách ghi tăng mệnh giá trái phiếu và chi phí đi vay trong kỳ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay bao gồm chi phí thẩm định, kiểm toán, lập hồ sơ vay vốn, chi phí thu xếp khoản vay, ... được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản đó vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Các khoản thu nhập phát sinh từ hoạt động đầu tư tạm thời của các khoản vốn vay riêng biệt trong khi chờ được sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang được ghi giảm trừ vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hóa.

Chi phí đi vay trong giai đoạn khai thác hoàn vốn của các dự án B.O.T được phân bổ theo tỷ lệ doanh thu thu phí dịch vụ sử dụng đường bộ nếu Công ty làm chủ đầu tư của dự án hoặc được ghi nhận theo thực tế phát sinh đối với các dự án do Công ty mua lại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Vốn chủ sở hữu***Cổ phiếu phổ thông*

Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết được ghi nhận theo mệnh giá. Cổ phiếu phát hành để tăng vốn điều lệ, vốn góp của cổ đông được ghi nhận theo số tiền thực tế thu được tương ứng với mệnh giá cổ phiếu phát hành thành công. Vốn góp của chủ sở hữu chỉ được ghi nhận tăng trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất khi Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với việc thay đổi vốn điều lệ theo quy định của pháp luật.

Thặng dư vốn

Thặng dư vốn phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu phổ thông, sau khi trừ đi chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu. Các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu được phân bổ theo số lượng cổ phiếu phát hành thành công và không thành công:

- Phần chi phí phân bổ cho cổ phiếu phát hành thành công được bù trừ vào thặng dư vốn.
- Phần chi phí liên quan đến cổ phiếu phát hành không thành công được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong kỳ.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp. Việc trích và sử dụng quỹ đầu tư phát triển được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các quy định hiện hành.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty để dùng cho công tác khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, phục vụ nhu cầu phúc lợi công cộng, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người lao động theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty. Việc trích lập và sử dụng quỹ khen thưởng, phúc lợi tuân thủ theo các quy định về kế toán và tài chính hiện hành.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận theo số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Số cổ tức được công bố và chi trả từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của cổ đông trong Đại hội đồng cổ đông thường niên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Ghi nhận doanh thu***Doanh thu từ phí giao thông đường bộ*

Doanh thu từ hoạt động thu phí giao thông đường bộ được ghi nhận dựa trên doanh số bán vé theo mức phí quy định của Nhà nước áp dụng trên mỗi tuyến đường mà Công ty được phép thu để hoàn vốn đầu tư các dự án B.O.T.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phản công việc đã hoàn thành tại ngày của Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phản công việc đã hoàn thành tại ngày của Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu lãi bảo toàn vốn chủ sở hữu từ các dự án B.O.T

Lãi bảo toàn vốn chủ sở hữu từ các dự án B.O.T được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư vốn chủ sở hữu Công ty đầu tư vào dự án và tỷ suất lợi nhuận định mức theo quy định của hợp đồng B.O.T. Khoản lợi nhuận này sẽ được giảm trừ dần vào doanh thu thu phí sử dụng dịch vụ đường bộ hằng kỳ của dự án. Công ty áp dụng hướng dẫn của Bộ Tài chính tại công văn số 6070/BTC-CST ngày 15 tháng 5 năm 2013 trong việc ghi nhận khoản lãi bảo toàn vốn chủ này.

Doanh thu tài chính

Lãi tiền gửi, tiền cho vay được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư nợ gốc của các khoản đầu tư này và lãi suất áp dụng.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm hoàn nhập lãi bảo toàn vốn chủ sở hữu từ các dự án B.O.T, chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Khoản lãi bảo toàn vốn chủ sở hữu từ các dự án B.O.T được ghi nhận giảm trừ dần vào doanh thu thu phí giao thông hàng năm của dự án, theo hướng dẫn của Bộ Tài chính tại công văn số 6070/BTC-CST ngày 15 tháng 5 năm 2013.

Các khoản giảm trừ doanh thu khác phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ báo cáo nhưng đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại, Công ty ghi giảm doanh thu ghi nhận trong kỳ báo cáo nếu các khoản giảm trừ doanh thu này phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Ghi nhận giá vốn***Giá vốn hoạt động thu phí giao thông đường bộ*

Giá vốn hoạt động thu phí giao thông đường bộ bao gồm chi phí khấu hao quyền thu phí giao thông và các chi phí phát sinh trực tiếp liên quan đến hoạt động khai thác các dự án đường bộ theo hợp đồng B.O.T như chi phí vận hành, duy tu bảo dưỡng công trình, chi phí trung tu và các khoản chi phí khác.

Giá vốn hàng bán và dịch vụ đã cung cấp

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo giá trị thực tế phát sinh và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng là các khoản chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp được ghi nhận vào chi phí trong kỳ theo cơ sở dồn tích.

Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp là các khoản chi phí phát sinh liên quan hoạt động quản lý chung của doanh nghiệp, không trực tiếp gắn với hoạt động bán hàng hoặc sản xuất và được ghi nhận vào chi phí trong kỳ theo cơ sở dồn tích.

Hoạt động hợp tác kinh doanh/đầu tư

Hoạt động hợp tác kinh doanh/đầu tư là thỏa thuận giữa Công ty và các đối tác bằng hợp đồng để cùng thực hiện hoạt động kinh doanh nhưng không hình thành pháp nhân độc lập và được kiểm soát bởi một trong số các bên. Lợi nhuận phân chia cho đối tác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Thuế** (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu

Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận (hoặc lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi/(lỗ) suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận (hoặc lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là đầu tư hợp đồng B.O.T, thu phí giao thông, thi công lắp đặt và duy tu công trình, hoạt động khác và hoạt động theo khu vực địa lý bao gồm các tỉnh, thành sau: Thành phố Hồ Chí Minh (trước đây bao gồm Thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Bình Dương, tỉnh Đồng Tháp (trước là tỉnh Tiền Giang), tỉnh Khánh Hòa (trước là tỉnh Ninh Thuận), tỉnh Vĩnh Long (trước đây bao gồm tỉnh Bến Tre và tỉnh Trà Vinh). Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

Các bên liên quan

Các bên liên quan của Công ty bao gồm các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý thay vì là hình thức pháp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

V. CÁC GIẢ ĐỊNH VÀ ƯỚC TÍNH QUAN TRỌNG

Các giả định và ước tính quan trọng liên quan đến tương lai và các yếu tố không chắc chắn trọng yếu trong ước tính tại thời điểm lập báo cáo, có thể dẫn đến rủi ro đáng kể làm điều chỉnh trọng yếu giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả trong năm tài chính tiếp theo, được trình bày dưới đây.

Các ước tính và giả định quan trọng liên quan đến các dự án B.O.T

- Định giá các dự án B.O.T: Trong các giao dịch hợp nhất kinh doanh, giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con (quyền thu phí B.O.T) được xác định bằng phương pháp chiết khấu dòng tiền (DCF) dựa trên dòng tiền thu phí dự kiến trong tương lai để thu hồi vốn đầu tư.
- Phân bổ khấu hao và lãi vay: Quyền thu phí và lãi vay liên quan đến dự án trong giai đoạn thu phí được khấu hao và phân bổ theo phương pháp tỷ lệ doanh thu.
- Ghi nhận lãi bảo toàn vốn chủ: Lãi bảo toàn vốn chủ được ghi nhận trên cơ sở dồn tích dựa trên số dư vốn chủ sở hữu chưa thu hồi và tỷ suất bảo toàn vốn chủ được quy định cụ thể trong từng hợp đồng B.O.T. Đối với phần vốn vay, lãi suất tính thời gian thu hồi vốn tuân thủ theo quy định của hợp đồng B.O.T.

Các ước tính phụ thuộc lớn vào các giả định mang tính dự báo dài hạn về lưu lượng giao thông thực tế, lộ trình điều chỉnh mức giá thu phí, lãi suất vay biến động trên thị trường, tổng mức đầu tư quyết toán cuối cùng với cơ quan Nhà nước, cũng như chi phí vận hành, bảo trì và sửa chữa định kỳ của các dự án.

Sự thay đổi trong các giả định này có thể ảnh hưởng đến giá trị ghi sổ của quyền thu phí và các quyền tài sản khác phát sinh từ hợp đồng B.O.T. Ban Tổng Giám đốc Công ty thường xuyên cập nhật doanh thu, chi phí và lãi vay thực tế phát sinh để rà soát, đánh giá các ước tính kế toán có liên quan và thực hiện các điều chỉnh giá trị ghi sổ khi cần thiết, phù hợp với các quy định kế toán hiện hành. Đồng thời, Công ty định kỳ đánh giá và rà soát lại thời gian phân bổ của phần giá trị quyền thu phí tăng thêm do đánh giá lại để đảm bảo phù hợp với thực tế vận hành của dự án.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ (Trình bày lại) VND
Tiền mặt	1.060.624.854	562.626.836
Tiền gửi không kỳ hạn	177.920.700.250	150.903.563.385
Ngân hàng Vietcombank	131.237.962.108	99.897.119.624
Ngân hàng VPBank	24.702.134.182	13.121.992.000
Các ngân hàng và tổ chức khác	21.980.603.960	37.884.451.761
Các khoản tương đương tiền	75.580.017.826	230.777.686.231
Ngân hàng Vietcombank	50.000.000.000	199.000.000.000
Ngân hàng BIDV	24.755.331.353	30.755.331.353
Các ngân hàng khác	566.531.500	556.797.555
Lãi tiền gửi ngân hàng	258.154.973	465.557.323
Cộng	254.561.342.930	382.243.876.452

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi tại ngân hàng thương mại với kỳ hạn gốc không quá ba (03) tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ (Trình bày lại)	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá trị dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
a. Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	581,639,702,027	581,639,702,027	-	653,188,623,881
Ngân hàng Vietcombank	573,500,000,000	573,500,000,000	-	623,500,000,000
Các ngân hàng khác	3,563,354,493	3,563,354,493	-	25,514,313,830
Lãi tiền gửi	4,576,347,534	4,576,347,534	-	4,174,310,051
Phải thu về cho vay	438,806,972,449	413,723,984,105	(25,082,988,344)	415,451,449,249
Các bên liên quan				
(xem Thuyết minh VIII.4)	397,809,238,143	397,809,238,143	-	404,802,642,889
Các đối tượng khác	31,993,591,881	6,910,603,537	(25,082,988,344)	6,910,603,537
Lãi từ cho vay	9,004,142,425	9,004,142,425	-	3,738,202,823
Cộng	1,020,446,674,476	995,363,686,132	(25,082,988,344)	1,068,640,073,130
b. Dài hạn				
Tiền cho vay	1,420,574,507	1,420,574,507	-	1,370,238,161
Tổng cộng	1,021,867,248,983	996,784,260,639	(25,082,988,344)	1,095,093,299,635
				(25,082,988,344)

Số dư tiền gửi tại các ngân hàng thương mại với kỳ hạn từ 3 đến 12 tháng, lãi suất dao động từ 2,4%/năm đến 6,1%/năm. Trong đó, Khoản tiền gửi với giá trị là 425.747.840.347 đồng được dùng để bảo đảm cho các nghĩa vụ tài chính của Công ty, công ty mẹ và các công ty trong tập đoàn.

Số dư phải thu về cho vay ngắn hạn từ các bên liên quan cuối kỳ bao gồm các khoản sau:

- Khoản hỗ trợ vốn phải thu Công ty CII theo hợp đồng ký ngày 26 tháng 9 năm 2023 và các phụ lục hợp đồng với hạn mức là 100 tỷ đồng, kỳ hạn 12 tháng, đáo hạn ngày 26 tháng 9 năm 2026. Lãi suất áp dụng trong kỳ 6,0%/năm và không có tài sản đảm bảo. Số dư cuối kỳ là 78.664.763.661 đồng.
- Khoản hợp tác kinh doanh với Công ty CII theo hợp đồng và phụ lục hợp đồng đã ký với hạn mức 100 tỷ đồng, đáo hạn vào ngày 06 tháng 12 năm 2026. Tỷ suất lợi nhuận Công ty được hưởng là 8,5%/năm tính trên số tiền hợp tác đã chuyển. Số dư cuối kỳ là 41.736.431.646 đồng.
- Khoản hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII (CII E&C) theo hợp đồng và phụ lục hợp đồng đã ký với hạn mức 323 tỷ đồng, đáo hạn vào ngày 18 tháng 12 năm 2026. Tỷ suất lợi nhuận Công ty được hưởng là 6%/năm tính trên số tiền hợp tác đã chuyển. Số dư cuối kỳ là 277.408.042.836 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị dự phòng VND
Phải thu là bên liên quan (xem <i>Thuyết minh VIII.4</i>)	2.085.829.971	-	11.540.799.176	-
Phải thu khách hàng khác	4.139.803.906	-	1.761.357.949	-
Cộng	6.225.633.877	-	13.302.157.125	-

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị dự phòng VND
Trả trước cho bên liên quan (xem <i>Thuyết minh VIII.4</i>)	11.588.125.388	-	-	-
Trả trước cho các nhà thầu thi công các dự án B.O.T	17.132.718.520	-	17.111.648.335	-
Trả trước cho người bán về mua hàng hóa, dịch vụ và tài sản khác	3.201.816.736	-	1.735.032.166	-
Cộng	31.922.660.644	-	18.846.680.501	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

5. Phải thu khác

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ (Trình bày lại)	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị dự phòng VND
a. Phải thu ngắn hạn khác				
Tạm ứng lợi nhuận cho các nhà đầu tư (i)	140.241.454.319	-	140.241.454.319	-
Lãi vốn chủ và các quyền phải thu khác của các dự án B.O.T (iv)	92.829.816.660	-	114.568.104.000	-
Phải thu Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng A2Z (ii)	66.500.000.000	(36.987.229.620)	66.500.000.000	(30.822.691.350)
Đặt cọc mua cổ phần (iii)	24.699.376.097	-	25.327.562.977	-
Phải thu các nhà thầu giá trị khối lượng thi công dự án không được quyết toán	22.575.506.815	(4.212.038.568)	22.575.506.815	(4.212.038.568)
Các khoản phải thu khác	71.599.906.155	(29.648.901.035)	71.902.167.990	(29.648.901.035)
Cộng	418.446.060.046	(70.848.169.223)	441.114.796.101	(64.683.630.953)
b. Phải thu dài hạn khác				
Lãi vốn chủ và các quyền phải thu khác của các dự án B.O.T (iv)	1.718.911.536.000	-	1.681.362.771.008	-
Các khoản tiền đặt cọc, cầm cố và ký quỹ	721.725.800	-	722.724.800	-
Cộng	1.719.633.261.800	-	1.682.085.495.808	-
Tổng cộng phải thu khác	2.138.079.321.846	(70.848.169.223)	2.123.200.291.909	(64.683.630.953)
Trong đó, phải thu khác từ các bên liên quan (xem Thuyết minh VIII.4)	1.055.837.800	-	815.194.800	-

- (i) Số dư thể hiện khoản tạm ứng lợi nhuận từ dự án B.O.T cho nhà đầu tư ngoài công ty mẹ và sẽ được bù trừ với lợi ích của cổ đông không kiểm soát khi có quyết định chính thức về việc chia lợi nhuận từ dự án.
- (ii) Khoản tạm ứng theo hợp đồng tư vấn tổng thể liên quan đến một dự án của Công ty. Hiện tại các bên không tiếp tục thực hiện hợp đồng và đang làm các thủ tục cần thiết để thanh lý.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**5. Phải thu khác** (tiếp theo)

(iii) Số dư cuối kỳ thể hiện số tiền đã tạm ứng cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc để mua 1% cổ phần của Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận do Tuấn Lộc đang sở hữu theo thỏa thuận cam kết chuyển nhượng ký ngày 25 tháng 10 năm 2023. Công ty Tuấn Lộc cam kết sẽ chuyển nhượng cổ phần trong thời hạn 3 năm kể từ ngày ký thỏa thuận.

(iv) Chi tiết số dư lãi vốn chủ và các quyền phải thu khác của các dự án B.O.T như sau:

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Dự án mở rộng Xa lộ Hà Nội (*)	968.341.890.493	1.007.866.049.287
Dự án mở rộng Quốc lộ 1A, đoạn qua tỉnh Ninh Thuận (**)	740.388.061.983	678.993.931.409
Dự án mở rộng nâng cấp đường ĐT 741 tỉnh Bình Dương (***)	103.011.400.184	109.070.894.312
	1.811.741.352.660	1.795.930.875.008
Trừ: Giá trị sẽ giảm trừ vào doanh thu thu phí giao thông trong 12 tháng tới	(92.829.816.660)	(114.568.104.000)
Giá trị còn được giảm trừ sau 12 tháng tới	1.718.911.536.000	1.681.362.771.008

(*) Khoản lãi bảo toàn vốn chủ trong giai đoạn thi công của Dự án Mở rộng Xa lộ Hà Nội với tỷ suất lãi vốn chủ theo hợp đồng B.O.T là 14%/năm.

(**) Giá trị quyền và các lợi ích tài chính mà Công ty được hưởng từ Dự án đầu tư mở rộng Quốc lộ 1A, đoạn qua tỉnh Ninh Thuận ("Dự án"). Theo hợp đồng B.O.T, Công ty được hưởng lãi bảo toàn vốn chủ trong giai đoạn thu phí hoàn vốn với tỷ lệ 12%/năm cho phần cơ cấu vốn chủ. Đối với cấu phần vốn vay tài trợ cho Dự án, lãi suất sử dụng để tính thời gian hoàn vốn được khoán gọn theo mức lãi suất cho vay trung hạn bình quân của 3 ngân hàng lớn trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận theo điều khoản của hợp đồng B.O.T. Các quyền và lợi ích nêu trên được thu hồi dần thông qua hoạt động thu phí giao thông từ Dự án.

(***) Khoản lãi bảo toàn vốn chủ sở hữu trong giai đoạn khai thác của Dự án B.O.T nâng cấp mở rộng đường ĐT 741 tỉnh Bình Dương, được tính cho số dư phần vốn chủ sở hữu chưa thu hồi theo tỷ suất lãi vốn chủ theo hợp đồng B.O.T là 8,4%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

6. Nợ xấu	Chỉ tiêu	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ (Trình bày lại)	
		Giá trị gốc nợ VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá trị gốc nợ VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Phải thu về cho vay	Phải thu về cho vay	31.993.591.881	6.910.603.537	31.993.591.881	6.910.603.537
	Công ty Cổ phần Cầu 12	17.546.812.283	6.910.603.537	17.546.812.283	6.910.603.537
	Công ty Cổ phần Hoàng An	14.446.779.598	-	14.446.779.598	-
Phải thu ngắn hạn khác	Phải thu ngắn hạn khác	98.506.322.302	27.658.153.079	98.506.322.302	33.822.691.349
	Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng A2Z (i)	61.645.382.699	24.658.153.079	61.645.382.699	30.822.691.349
	Ông Phan Anh Dũng	28.879.590.035	3.000.000.000	28.879.590.035	3.000.000.000
	Các đối tượng khác	7.981.349.568	-	7.981.349.568	-
	Cộng	130.499.914.183	34.568.756.616	130.499.914.183	40.733.294.886
Khả năng thu hồi nợ phải thu quá hạn					

(i) Tại ngày lập báo cáo tài chính, căn cứ vào thời gian quá hạn và tình trạng thu hồi thực tế của khoản nợ phải thu theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc, Công ty đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định hiện hành.

Đối với các khoản phải thu quá hạn còn lại, Ban Tổng Giám đốc đánh giá vẫn có khả năng thu hồi dựa trên tình trạng thanh toán và các thông tin hiện có tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**7. Hàng tồn kho**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	23.419.017.388	-	1.020.461.985	-

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ thể hiện chi phí cung cấp các dịch vụ hạ tầng giao thông dở dang.

8. Chi phí chờ phân bổ

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
a. Ngắn hạn		
Chi phí thuê đất	744.309.000	-
Chi phí in vé cầu đường chờ phân bổ	275.113.201	289.853.588
Các khoản chi phí chờ phân bổ khác	370.646.295	90.588.828
Cộng	1.390.068.496	380.442.416

b. Dài hạn

Chi phí lãi vay của các dự án B.O.T (i)	4.043.639.211.499	3.868.817.295.397
Chi phí sửa chữa, trung tu cầu đường	166.895.371.166	216.255.612.353
Chi phí liên quan đến thủ tục vay	78.707.532.782	83.205.106.083
Các khoản chi phí chờ phân bổ khác	7.104.955.123	8.303.069.310
Cộng	4.296.347.070.570	4.176.581.083.143

Tổng cộng

4.297.737.139.066	4.176.961.525.559
--------------------------	--------------------------

(i) Chi tiết lãi vay của các dự án B.O.T:

Dự án mở rộng Quốc lộ 1A đoạn qua tỉnh Ninh Thuận	1.320.054.160.313	1.225.942.384.937
Dự án Cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận giai đoạn 1	1.240.208.412.226	1.232.155.258.285
Dự án mở rộng Xa lộ Hà Nội	976.596.945.424	905.428.963.471
Dự án cầu Cổ Chiên	282.675.652.732	289.212.487.242

Dự án nâng cấp, mở rộng và xây dựng 4 đoạn tuyến Quốc lộ 60 nối cầu Rạch Miễu đến cầu Cổ Chiên, tỉnh Vĩnh Long

Cộng	4.043.639.211.499	3.868.817.295.397
-------------	--------------------------	--------------------------

Tỷ lệ phân bổ chi phí lãi vay hiện nay của Dự án đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận giai đoạn 1 là 43,44% (kỳ trước là 36%); Dự án mở rộng Xa lộ Hà Nội là 4% (kỳ trước là 5%); Dự án mở rộng Quốc lộ 1, đoạn qua tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2, Dự án cầu Cổ Chiên và Dự án xây dựng, nâng cấp mở rộng 4 đoạn tuyến Quốc lộ 60 với tỷ lệ không đổi lần lượt là 7,78%, 28% và 15%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

8. Chi phí chờ phân bổ (tiếp theo)

Biến động chi phí chờ phân bổ dài hạn trong kỳ như sau:

	Chi phí lãi vay của các dự án B.O.T (i) VND	Chi phí sửa chữa, trung tu cầu đường VND	Chi phí đi vay chờ phân bổ VND	Các khoản chi phí khác chờ phân bổ VND	Cộng VND
Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 30 tháng 6 năm 2025					
Số đầu kỳ	3.372.055.485.512	179.756.991.542	92.503.459.887	14.388.242.900	3.658.704.179.841
Chi phí tăng trong kỳ	549.392.679.198	38.531.073.906		4.355.491.276	592.279.244.380
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	74.074.074	-	-	74.074.074
Phân bổ trong kỳ	(283.689.528.514)	(51.711.595.353)	(4.649.176.902)	(7.241.402.230)	(347.291.702.999)
Số cuối kỳ	3.637.758.636.196	166.650.544.169	87.854.282.985	11.502.331.946	3.903.765.795.296

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Số đầu kỳ	3.868.817.295.397	216.255.612.353	83.205.106.083	8.303.069.310	4.176.581.083.143
Chi phí tăng trong kỳ	564.270.807.436	24.917.000	-	477.010.185	564.772.734.621
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	-	-	1.415.297.263	1.415.297.263
Phân bổ trong kỳ	(389.448.891.334)	(49.385.158.187)	(4.497.573.301)	(3.090.421.635)	(446.422.044.457)
Số cuối kỳ	4.043.639.211.499	166.895.371.166	78.707.532.782	7.104.955.123	4.296.347.070.570

9. Tài sản ngắn hạn khác

Số dư cuối kỳ thể hiện các khoản tiền và tương đương tiền đã được cầm cố hoặc bị hạn chế sử dụng để đảm bảo thực hiện các nghĩa vụ tài chính cho Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

10. Tài sản cố định hữu hình	Nguyên giá											
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng VND						
	VND	VND	VND	VND	VND							
	8.189.443.376	16.508.582.104	17.333.107.893	2.191.969.290	821.488.888							
	-	-	3.253.229.364	-	-							
	-	-	(1.846.200.000)	-	-							
	8.189.443.376	16.508.582.104	18.740.137.257	2.191.969.290	821.488.888							
	Giá trị hao mòn lũy kế											
	7.300.959.327	12.504.119.441	13.726.799.581	1.774.554.333	390.558.345							
	47.634.666	622.856.792	395.945.729	24.046.266	90.340.980							
	-	-	(1.846.200.000)	-	-							
	7.348.593.993	13.126.976.233	12.276.545.310	1.798.600.599	480.899.325							
	Giá trị còn lại											
888.484.049	4.004.462.663	3.606.308.312	417.414.957	430.930.543								
840.849.383	3.381.605.871	6.463.591.947	393.368.691	340.589.563								

Nguyên giá của các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày cuối kỳ và đầu kỳ lần lượt là 24.504.700.350 đồng và 26.350.900.350 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền thu phí giao thông VND	Quyền sử dụng đất VND	Chương trình phần mềm VND	Cộng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ	19.245.204.115.716	1.183.149.000	2.967.570.500	19.249.354.835.216
Đầu tư XDCB hoàn thành	9.326.439.416	-	-	9.326.439.416
Điều chỉnh giảm giá trị theo quyết toán	(5.754.651.855)	-	-	(5.754.651.855)
Số dư cuối kỳ	19.248.775.903.277	1.183.149.000	2.967.570.500	19.252.926.622.777
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	3.972.123.856.274	-	2.238.227.571	3.974.362.083.845
Khấu hao trong kỳ	358.336.766.728	-	99.393.812	358.436.160.540
Số dư cuối kỳ	4.330.460.623.002	-	2.337.621.383	4.332.798.244.385
Giá trị còn lại				
Số dư đầu kỳ	15.273.080.259.442	1.183.149.000	729.342.929	15.274.992.751.371
Số dư cuối kỳ	14.918.315.280.275	1.183.149.000	629.949.117	14.920.128.378.392

Quyền thu phí giao thông được khấu hao theo doanh thu. Tỷ lệ khấu hao của từng dự án được thể hiện như thuyết minh chi tiết bên dưới đây. Tỷ lệ khấu hao có thể được điều chỉnh khi giá trị đầu tư vào dự án được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết toán hoặc khi phương án tài chính của dự án thay đổi do cập nhật doanh thu thu phí thực tế hàng năm.

Công ty đã sử dụng Quyền sử dụng đất và cam kết sử dụng nguồn tiền có được từ hoạt động thu phí giao thông cùng với các lợi ích kinh tế khác có thể thu được từ các dự án B.O.T đang đầu tư để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng, trái phiếu và các nghĩa vụ tài chính khác (xem Thuyết minh VI.21).

Các dự án B.O.T của Công ty đã hoàn thành việc thu phí hoàn vốn đầu tư và đang chờ thanh lý quyền thu phí với cơ quan Nhà nước bao gồm Dự án tuyến tránh Quốc lộ 1A, đoạn qua thành phố Phan Rang - Tháp Chàm và Dự án đầu tư xây dựng cầu Rạch Miếu. Tổng nguyên giá của các quyền thu phí này là 1.070.853.818.339 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**11. Tài sản cố định vô hình** (tiếp theo)**Thông tin về các dự án B.O.T đang được thu phí giao thông hoàn vốn đầu tư như sau:****a. Dự án đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận giai đoạn 1**

Quyền thu phí giao thông có được từ việc đầu tư xây dựng dự án đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận giai đoạn 1 theo hình thức hợp đồng B.O.T với nguyên giá và giá trị còn lại tại ngày cuối kỳ lần lượt là 9.551.088.226.211 đồng và 8.269.868.653.068 đồng. Nguyên giá được xác định dựa trên các chi phí đã bỏ ra để thực hiện đầu tư dự án theo hợp đồng B.O.T số 14/HĐ.B.O.T-GTVT ngày 18 tháng 11 năm 2016 ký với Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Tháp và các phụ lục hợp đồng. Dự án này được chính thức khai thác thu phí hoàn vốn đầu tư từ 0h ngày 09 tháng 8 năm 2022. Theo phương án tài chính trong phụ lục hợp đồng B.O.T năm 2019, Công ty được thu phí hoàn vốn trong khoảng 14 năm 8 tháng, thời gian thu phí này sẽ được quyết toán chính thức với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trên cơ sở đảm bảo tỷ suất lãi vốn chủ sở hữu cho nhà đầu tư là 11,5%/năm tính từ thời điểm dự án bắt đầu thu phí hoàn vốn. Hiện tại, Công ty đang tiến hành các thủ tục quyết toán giá trị đầu tư xây dựng dự án. Tỷ lệ khấu hao kỳ này là 31,35% (kỳ trước là 30,18%).

Tại ngày đạt được quyền kiểm soát Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận ("Công ty dự án"), Công ty đã đánh giá lại giá trị tài sản thuần của công ty con này. Theo đó, giá trị quyền thu phí giao thông được ghi nhận tăng lên 691.728.230.913 đồng, đây là khoản chênh lệch giữa giá trị do Công ty thực hiện đánh giá lại theo phương pháp chiết khấu dòng tiền thu được trong tương lai từ hoạt động thu phí so với giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con tại ngày hợp nhất kinh doanh. Giá trị tăng thêm này chỉ được ghi nhận vào báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ mà không có bất kỳ sự điều chỉnh nào cho giá trị ghi sổ của tài sản trên báo cáo tài chính của công ty con. Giá trị còn lại của giá trị tăng thêm tại ngày cuối kỳ là 550.820.628.319 đồng.

b. Dự án Mở rộng Xa lộ Hà Nội

Quyền thu phí giao thông hoàn vốn Dự án Mở rộng Xa lộ Hà Nội và Quốc lộ 1, đoạn từ ngã ba Trạm 2 cũ đến nút giao Tân Vạn theo hình thức hợp đồng B.O.T với nguyên giá và giá trị còn lại tại ngày cuối kỳ lần lượt là 3.598.729.719.979 đồng và 3.049.688.457.348 đồng. Nguyên giá được xác định dựa trên các chi phí Công ty đã bỏ ra để thực hiện đầu tư dự án theo hợp đồng B.O.T ký ngày 25 tháng 11 năm 2009 với Sở Giao thông Vận tải Thành phố Hồ Chí Minh và phụ lục hợp đồng B.O.T ký ngày 9 tháng 7 năm 2018 với Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Dự án chính thức khai thác thu phí hoàn vốn đầu tư từ thời điểm 0h ngày 01 tháng 4 năm 2021. Theo hợp đồng B.O.T và các phụ lục, Công ty được thu phí hoàn vốn dự kiến trong khoảng 17 năm 9 tháng, thời gian thu phí này sẽ được quyết toán chính thức với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trên cơ sở đảm bảo tỷ suất lãi vốn chủ sở hữu cho nhà đầu tư là 14%/năm, bao gồm cả giai đoạn đầu tư xây dựng. Tỷ lệ khấu hao kỳ này là 6% (tỷ lệ khấu hao kỳ trước là 9%).

c. Dự án nâng cấp, mở rộng và xây dựng 4 đoạn tuyến Quốc lộ 60 nối cầu Rạch Miễu đến cầu Cổ Chiên, tỉnh Vĩnh Long

Công ty được phép thu phí giao thông tại trạm cầu Rạch Miễu để hoàn vốn đầu tư dự án nâng cấp, mở rộng và xây dựng 4 đoạn tuyến Quốc lộ 60 nối cầu Rạch Miễu đến cầu Cổ Chiên, tỉnh Vĩnh Long, với nguyên giá và giá trị còn lại tại ngày cuối kỳ lần lượt là 1.120.436.031.106 đồng và 682.735.255.676 đồng. Nguyên giá này sẽ được điều chỉnh khi Công ty thực hiện quyết toán với cơ quan Nhà nước. Thời gian thu phí hoàn vốn ước tính khoảng 14 năm 8 tháng, bắt đầu từ 0h ngày 05 tháng 7 năm 2021, thời gian thu phí này sẽ được quyết toán chính thức với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trên cơ sở đảm bảo tỷ suất lãi vốn chủ sở hữu cho nhà đầu tư là 11,5%/năm tính từ thời điểm dự án bắt đầu thu phí hoàn vốn. Hiện nay Công ty đang tiến hành các thủ tục quyết toán giá trị đầu tư của dự án với cơ quan Nhà nước. Tỷ lệ khấu hao kỳ này và kỳ trước đều là 50%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**11. Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)****d. Dự án đầu tư mở rộng Quốc lộ 1A, đoạn qua tỉnh Ninh Thuận**

Quyền thu phí giao thông hoàn vốn Dự án đầu tư mở rộng Quốc lộ 1A, đoạn qua tỉnh Ninh Thuận (nay là tỉnh Khánh Hòa) theo hình thức hợp đồng B.O.T với nguyên giá và giá trị còn lại tại ngày cuối kỳ lần lượt là 1.488.940.476.885 đồng và 1.387.501.673.198 đồng. Nguyên giá được xác định dựa trên các chi phí Công ty đã bỏ ra để thực hiện đầu tư dự án theo hợp đồng B.O.T ký ngày 8 tháng 12 năm 2014 với Bộ Giao thông Vận tải. Trạm Cà Ná đã chính thức được đưa vào thu phí giao thông hoàn vốn từ thời điểm 0h ngày 1 tháng 4 năm 2017. Thời gian thu phí khoảng 22 năm 1 tháng 12 ngày và dự kiến sẽ kết thúc vào tháng 2 năm 2038 theo hợp đồng B.O.T, thời gian thu phí sẽ được quyết toán chính thức với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trên cơ sở đảm bảo tỷ suất lãi vốn chủ sở hữu cho nhà đầu tư là 12%/năm tính từ thời điểm dự án bắt đầu thu phí hoàn vốn. Tỷ lệ khấu hao hiện nay của Dự án là 2,54%.

e. Dự án đầu tư nâng cấp mở rộng đường ĐT 741

Quyền thu phí giao thông hoàn vốn đầu tư Dự án đầu tư nâng cấp mở rộng đường ĐT 741 tỉnh Bình Dương (nay là Thành phố Hồ Chí Minh), đoạn từ Km 0 + 000 đến Km 49 + 670,4, với nguyên giá và giá trị còn lại tại ngày cuối kỳ lần lượt là 698.254.877.278 đồng và 408.146.624.277 đồng. Nguyên giá này được xác định dựa trên các chi phí Công ty đã bỏ ra để thực hiện đầu tư dự án theo hợp đồng B.O.T ký ngày 09 tháng 9 năm 2009 với Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Trạm thu phí đường ĐT741 chính thức được đưa vào thu phí hoàn vốn đầu tư đoạn Km 21 + 000 đến Km 49 + 670,4 từ ngày 01 tháng 8 năm 2006. Đoạn Km 0 + 000 đến Km 21 + 000 được xây dựng năm 2009 và chính thức đưa vào vận hành khai thác từ ngày 01 tháng 9 năm 2011. Theo hợp đồng B.O.T, dự kiến Công ty được thu phí hoàn vốn trong khoảng 30,81 năm, thời gian thu phí này sẽ được quyết toán chính thức với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trên cơ sở đảm bảo tỷ suất lãi vốn chủ sở hữu cho nhà đầu tư tạm tính tại thời điểm ký hợp đồng là 8,4%/năm. Quyền thu phí giao thông được khấu hao theo doanh thu với tỷ lệ khấu hao hiện nay là 10,466%.

Tại ngày mua Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG, Công ty đã đánh giá lại giá trị tài sản thuần của công ty con này. Theo đó, giá trị quyền thu phí giao thông được ghi nhận tăng lên 276.430.752.980 đồng, đây là khoản chênh lệch giữa giá trị do Công ty thực hiện đánh giá lại theo phương pháp chiết khấu dòng tiền thu được trong tương lai từ hoạt động thu phí so với giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con tại ngày hợp nhất kinh doanh. Giá trị tăng thêm này chỉ được ghi nhận vào báo cáo tài chính hợp nhất mà không có bất kỳ sự điều chỉnh nào cho giá trị ghi sổ của tài sản trên báo cáo tài chính riêng của công ty con. Giá trị còn lại của giá trị tăng thêm tại ngày cuối kỳ là 122.858.112.455 đồng.

f. Dự án xây dựng cầu Cổ Chiên

Quyền thu phí Công ty có được do hợp nhất Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên, thu phí giao thông hoàn vốn đầu tư Dự án xây dựng cầu Cổ Chiên, Quốc lộ 60, tỉnh Vĩnh Long với nguyên giá và giá trị còn lại tại ngày cuối kỳ lần lượt là 752.313.769.586 đồng và 446.864.626.135 đồng, được xác định dựa trên các chi phí đã bỏ ra để thực hiện đầu tư dự án theo hợp đồng B.O.T ký với Bộ Giao thông Vận tải. Dự án được đưa vào thu phí hoàn vốn kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2016. Theo hợp đồng B.O.T và phụ lục, dự kiến Công ty được thu phí hoàn vốn trong khoảng 11 năm 4 tháng. Tuy nhiên, thời gian thu phí có thể điều chỉnh theo hợp đồng ban đầu là 16 năm 11 tháng khi phát sinh các sự kiện như được quy định tại phụ lục hợp đồng. Thời gian thu phí này sẽ được quyết toán chính thức với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trên cơ sở đảm bảo tỷ suất lãi vốn chủ sở hữu cho nhà đầu tư là 11,5%/năm. Tỷ lệ khấu hao kỳ này và kỳ trước đều là 35%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Dự án B.O.T mở rộng nâng cấp đường ĐT 741 tỉnh Bình Dương	1.291.946.480	1.415.297.263
Các dự án khác	399.598.000	399.598.000
Cộng	1.691.544.480	1.814.895.263
Biến động chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ như sau:		
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Số dư đầu kỳ	1.814.895.263	36.891.386.840
Chi phí đầu tư xây dựng phát sinh trong kỳ	10.618.385.896	48.799.105.285
Kết chuyển sang tài sản cố định vô hình	(9.326.439.416)	(47.887.887.468)
Kết chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(1.415.297.263)	-
Ghi nhận vào chi phí trong kỳ	-	(366.989.578)
Số dư cuối kỳ	1.691.544.480	37.435.615.079

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

13. Thuế thu nhập hoãn lại

	Lãi vốn chủ dự án B.O.T Xã Lộ Hà Nội (i)	Lãi vốn chủ và lợi ích tài chính từ các dự án B.O.T khác (ii)	Dự phòng phải trả người lao động VND	Đánh giá lại giá trị tài sản thuần công ty con tại ngày mua (iii) VND	Cộng VND
	VND	VND			
a. Tài sản thuế hoãn lại					
Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 30 tháng 6 năm 2025					
Số đầu kỳ	221.730.530.834	23.175.006.387	375.000.000	-	245.280.537.221
Thuế suất thuế TNDN	20%	5%-14,23%	20%	20%	
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất	10.078.660.494	(14.819.562.482)	-	-	(4.740.901.988)
Số cuối kỳ	211.651.870.340	37.994.568.869	375.000.000	-	250.021.439.209
Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026					
Số dư đầu năm nay	201.573.209.846	45.447.528.706	375.000.000	-	247.395.738.552
Thuế suất thuế TNDN	20%	5%-14,23%	20%	20%	
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất	7.904.831.760	(2.249.003.286)	-	-	5.655.828.474
Số cuối kỳ	193.668.378.086	47.696.531.992	375.000.000	-	241.739.910.078

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

13. Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

	Lãi vốn chủ dự án B.O.T Xa Lộ Hà Nội (i)		Lãi vốn chủ và lợi ích tài chính từ các dự án B.O.T khác (ii)		Dự phòng phải trả người lao động	Đánh giá lại giá trị tài sản thuần công ty con tại ngày mua (iii)		Cộng VND	
	VND	VND	VND	VND		VND	VND		
b. Thuế hoãn lại phải trả									
Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 30 tháng 6 năm 2025									
Số đầu kỳ	-	-	-	-	-	154.202.757.033	154.202.757.033		
Thuế suất thuế TNDN	N/A	N/A	N/A		20%				
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất	-	-	-	-	-	(6.489.002.960)	(6.489.002.960)		
Số cuối kỳ	-	-	-	-	-	147.713.754.073	147.713.754.073		
Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026									
Số đầu kỳ	-	-	-	-	-	141.224.751.113	141.224.751.113		
Thuế suất thuế TNDN	N/A	N/A	N/A		20%				
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất	-	-	-	-	-	(6.489.002.960)	(6.489.002.960)		
Số cuối kỳ	-	-	-	-	-	134.735.748.153	134.735.748.153		
Tổng thu nhập thuần ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất									(833.174.486)

Thuế suất được sử dụng để tính thuế hoãn lại là thuế suất dự tính của kỳ tương lai khi tài sản được thu hồi hoặc thanh lý hay khi nợ phải trả được thanh toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**13. Thuế thu nhập hoãn lại** (tiếp theo)

- (i) Theo hợp đồng B.O.T Dự án Mở rộng Xa lộ Hà Nội, Công ty được hưởng lãi bảo toàn vốn chủ trong thời gian thi công là 14%/năm. Theo hướng dẫn của Bộ Tài chính, khoản lãi bảo toàn vốn chủ phát sinh trong giai đoạn này được ghi nhận vào thu nhập tài chính của kỳ phát sinh và sẽ được giảm trừ dần vào doanh thu thu phí khi dự án đi vào hoạt động. Công ty đã thực hiện kê khai và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp đối với giá trị lãi vốn chủ nêu trên, đồng thời ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại để phản ánh khoản thuế sẽ được khấu trừ trong tương lai khi phát sinh doanh thu thu phí. Tại ngày cuối kỳ, số dư lãi bảo toàn vốn chủ của Dự án còn được khấu trừ là 968.341.890.493 đồng (xem *Thuyết minh VI.5*), theo đó giá trị thuế thu nhập còn được khấu trừ tương ứng là 193.668.378.086 đồng.
- (ii) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ lãi vốn chủ và quyền phải thu từ các Dự án B.O.T khác bao gồm:
- Dự án mở rộng Quốc lộ 1A, đoạn qua tỉnh Ninh Thuận: Công ty ghi nhận tài sản thuế hoãn lại cho khoản lãi bảo toàn vốn chủ và chênh lệch lãi suất đi vay của dự án là 660.760.194.880 đồng với mức thuế suất 5%, tương ứng với 33.038.009.745 đồng. Thuế suất được sử dụng để ghi nhận thuế hoãn lại là thuế suất ưu đãi của Dự án;
 - Dự án B.O.T mở rộng nâng cấp đường ĐT 741 tỉnh Bình Dương: số dư lãi vốn chủ tại ngày cuối kỳ là 103.011.400.184 đồng, thuế hoãn lại tương ứng là 14.658.522.247 đồng. Thuế suất được sử dụng để ghi nhận tài sản thuế hoãn lại của dự án này là 14,23%, được tính theo thuế suất bình quân của các kỳ dự kiến thu hồi tài sản.
- (iii) Số dư cuối kỳ là thuế thu nhập hoãn lại phải trả của các giao dịch hợp nhất kinh doanh như sau:
- Thuế hoãn lại phải trả liên quan đến giá trị quyền thu phí Dự án Cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận tăng thêm do đánh giá lại vào ngày mua. Tại ngày cuối kỳ, giá trị còn lại của quyền thu phí tăng thêm là 550.820.628.319 đồng, tương ứng với số thuế hoãn lại phải trả là 110.164.125.662 đồng;
 - Thuế hoãn lại phải trả liên quan đến giá trị quyền thu phí Dự án mở rộng nâng cấp đường ĐT 741 tỉnh Bình Dương tăng thêm do đánh giá lại vào ngày mua. Tại ngày cuối kỳ, giá trị còn lại của quyền thu phí tăng thêm là 122.858.112.455 đồng, tương ứng với số thuế hoãn lại phải trả là 24.571.622.491 đồng.

Các khoản thuế hoãn lại phải trả này sẽ được hoàn nhập dần theo giá trị khấu hao của quyền thu phí tăng thêm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**14. Lợi thế thương mại**

	Giá trị ghi sổ VND
Nguyên giá	
Số cuối kỳ và đầu kỳ	529.238.257.458
Hao mòn lũy kế	
Số đầu kỳ	317.339.032.329
Phân bổ vào kết quả kinh doanh hợp nhất	16.782.534.970
Số cuối kỳ	334.121.567.299
Giá trị còn lại	
Số đầu kỳ	211.899.225.129
Số cuối kỳ	195.116.690.159

15. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Phải trả là bên liên quan (xem Thuyết minh VIII.4)	11.798.603.523	50.738.098.426
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	28.981.544.964	28.981.544.964
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả	66.898.433.917	69.913.652.574
Các đối tượng khác	129.168.720.164	193.096.734.561
Cộng	236.847.302.568	342.730.030.525

16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Người mua là bên liên quan (xem tại Thuyết minh VIII.4)	10.963.357.464	-
Các đối tượng khác	256.726.111	256.726.111
Cộng	11.220.083.575	256.726.111

17. Phải trả cổ tức, lợi nhuận

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty không có các khoản cổ tức, lợi nhuận nào đã quá hạn thanh toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn**

	Số đầu kỳ VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã thực nộp trong kỳ VND	Số cuối kỳ VND
a. Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	489.865.770	-	-	489.865.770
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.299.921.782	421.143	-	1.299.500.639
Thuế thu nhập cá nhân	153.893.307	843.430.011	1.057.630.935	368.094.231
Cộng	1.943.680.859	843.851.154	1.057.630.935	2.157.460.640
b. Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	15.227.975.835	104.801.729.953	103.677.462.354	16.352.243.434
Thuế thu nhập doanh nghiệp	25.641.593.597	39.041.290.574	38.468.390.083	26.214.494.088
Thuế thu nhập cá nhân	1.239.473.035	2.703.536.989	2.774.076.082	1.168.933.942
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	1.488.618.000	744.309.000	744.309.000
Cộng	42.109.042.467	148.035.175.516	145.664.237.519	44.479.980.464

19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Chi phí lãi vay, lãi trái phiếu phải trả	63.228.274.478	62.742.131.106
Trích trước chi phí trung tu, duy tu, thi công	45.126.558.304	18.171.303.988
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	2.859.066.683	2.269.552.303
Cộng	111.213.899.465	83.182.987.397
Trong đó, chi phí phải trả bên liên quan (xem Thuyết minh VIII.4)	10.225.347.946	9.583.919.182

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**20. Phải trả khác**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ (Trình bày lại) VND
a. Ngắn hạn		
Phải trả chi phí lãi vay	36.746.043.669	33.881.674.704
Các khoản thu hộ	3.851.812.000	6.791.938.428
Các khoản phải trả, phải nộp khác	16.060.222.097	8.591.947.139
Cộng	56.658.077.766	49.265.560.271
b. Dài hạn		
Các khoản thu hộ	7.300.000.000	7.300.000.000
Nhận đặt cọc, ký quỹ, ký cược	1.312.091.258	1.312.091.258
Cộng	8.612.091.258	8.612.091.258
Tổng cộng	65.270.169.024	57.877.651.529
Trong đó, phải trả khác là bên liên quan (xem Thuyết minh VIII.4)	31.400.150.010	28.295.138.045

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

21. Vay và nợ thuê tài chính

a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối kỳ VND	Trong kỳ		Số đầu kỳ VND
		Tăng VND	Giảm VND	
Công ty CII - Công ty mẹ	310.922.311.669	92.945.552.084	181.818.834	218.158.578.419
Ngân hàng OCB	-	-	22.910.000.000	22.910.000.000
Các khoản vay và nợ dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh b)	866.244.821.715			706.580.432.666
Mệnh giá trái phiếu thường đến hạn (xem Thuyết minh b)	75.000.000.000			65.000.000.000
Cộng	1.252.167.133.384	92.945.552.084	23.091.818.834	1.012.649.011.085

Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn

Bên cho vay	Số dư vay	Thời hạn	Đáo hạn	Lãi suất vay	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
Công ty CII	293.819.755.214	3 năm	21/07/2026	Lãi suất trong kỳ là 11,5%	Hợp tác kinh doanh (có thể chấm dứt trước hạn khi có đề nghị của một trong hai bên)	Không có tài sản đảm bảo.
	6.302.556.455	1 năm	13/04/2027		Góp vốn vào Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận và hỗ trợ vốn cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	Cổ phần của Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận mà Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc sở hữu.
	10.800.000.000	1 năm	13/04/2027		Góp vốn vào Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	Không có tài sản đảm bảo.
	310.922.311.669					

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

21. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ VND	Trong kỳ		Số đầu kỳ (Trình bày lại) VND
		Tăng VND	Giảm VND	
Các khoản vay và hợp tác đầu tư	12.592.054.328.716	200.477.954.309	828.563.845.587	13.379.804.609.043
Vay các bên liên quan (xem <i>Thuyết minh VIII.4</i>)	5.523.231.825.851	200.477.954.309	85.335.413.506	5.408.089.285.048
Ngân hàng Vietcombank	7.275.899.818.889	-	643.116.432.081	7.919.016.250.970
Ngân hàng BIDV	659.167.505.691	-	100.112.000.000	759.279.505.691
Trừ: Số phải trả trong 12 tháng tới	(866.244.821.715)			(706.580.432.666)
Trái phiếu phát hành	1.634.142.519.651	-	(57.464.065)	1.644.085.055.586
Trái phiếu BNTCH2433001	1.185.000.000.000	-	-	1.185.000.000.000
Trái phiếu HNHCH2433001	525.000.000.000	-	-	525.000.000.000
Chi phí phát hành trái phiếu	(857.480.349)		(57.464.065)	(914.944.414)
Trừ: Mệnh giá trái phiếu đến hạn trong 12 tháng tới	(75.000.000.000)			(65.000.000.000)
Cộng vay và nợ dài hạn	14.226.196.848.367	200.477.954.309	828.506.381.522	15.023.889.664.629

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

21. **Vay và nợ thuê tài chính** (tiếp theo)
- b. **Vay và nợ thuê tài chính dài hạn** (tiếp theo)

Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn

Bên cho vay	Số dư vay	Thời hạn	Đáo hạn	Lãi suất vay	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng Vietcombank - CN Thành phố Hồ Chí Minh	4.112.444.705.101	Tối đa 144 tháng	09/01/2035	Thả nổi, lãi suất trong kỳ từ 8,35% - 9,65%/năm	Tài trợ dự án B.O.T đường tốc Trung Lương - Mỹ Thuận	- Toàn bộ các quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng B.O.T; - Toàn bộ cổ phần thuộc sở hữu của các cổ đông góp vốn, cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội thuộc sở hữu của Công ty CII và các quyền, lợi ích liên quan và các quyền, lợi ích liên quan; - Bảo lãnh của Công ty CII đối với nghĩa vụ trả nợ của cho Công ty Trung Lương Mỹ Thuận.
	1.892.500.000.000	Tối đa 168 tháng	Không vượt quá 6 tháng trước khi kết thúc dự án		Đầu tư vào Dự án Mở rộng Xa lộ Hà Nội	Các lợi ích kinh tế mà Công ty có thể thu được từ dự án.
	1.270.955.113.788	7 năm	26/11/2029	Thả nổi, lãi suất trong kỳ là 8,4% - 9,1%/năm		
7.275.899.818.889						



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

21. **Vay và nợ thuê tài chính** (tiếp theo)

b. **Vay và nợ thuê tài chính dài hạn** (tiếp theo)

Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn (tiếp theo)

Bên cho vay	Số dư vay	Thời hạn	Đáo hạn	Lãi suất vay	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng BIDV - CN TP. Hồ Chí Minh	326.168.126.480	18 năm	21/04/2032	Thả nổi, lãi suất trong kỳ là 8,3%-9,7%/năm	Đầu tư xây dựng công trình Cầu Cổ Chiên	Quyền thu phí phát sinh từ dự án, quyền và lợi ích khác phát sinh từ hợp đồng B.O.T.
	332.999.379.211	15 năm	14/06/2033	Thả nổi, lãi suất trong kỳ là 7,77%-9,0%/năm	Đầu tư nâng cấp, mở rộng và xây dựng 4 đoạn tuyến quốc lộ 60 nối cầu Rạch Miễu đến cầu Cổ Chiên	Các lợi ích kinh tế từ quyền thu phí của dự án và quyền đối với phần vốn góp của các Nhà đầu tư.
Công ty CII Invest	747.097.751.347	10 năm	31/12/2033	7,8%/năm	Tài trợ kinh phí cho dự án B.O.T mở rộng Xa lộ Hà Nội	Không có tài sản đảm bảo.
	257.191.802.555		30/09/2026	11,5%/năm	Hợp tác đầu tư vào Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	Không có tài sản đảm bảo.
	1.168.080.364.988	Tương đương thời gian thu phí của dự án, dự kiến là 14 năm 8 tháng		10,5%/năm	Tài trợ dự án B.O.T đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận	Không có tài sản đảm bảo.
	2.172.369.918.890					
Công ty CII	302.544.887.801	Tương đương thời gian thu phí của dự án, dự kiến là 14 năm 8 tháng		10,5%/năm	Tài trợ dự án B.O.T đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận	Không có tài sản đảm bảo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

21. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (tiếp theo)

Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn (tiếp theo)

Bên cho vay	Số dư vay	Thời hạn	Đáo hạn	Lãi suất vay	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
Công ty Cổ phần Xây dựng hạ tầng CII (i)	1.297.585.471.010	Từ 01/07/2023 đến 31/12/2031		10,9% - 11,5%/năm	Hợp tác đầu tư vào dự án đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận giai đoạn 1	Không có tài sản đảm bảo.
Công ty TNHH Đầu tư cao ốc Điện Biên Phủ (i)	896.250.000.000	8 năm	15/01/2032	11,5% - 11,7%/năm	Hợp tác đầu tư vào dự án mở rộng Quốc lộ 1 đoạn qua tỉnh Ninh Thuận	Không có tài sản đảm bảo.
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm (i)	854.481.548.150	10 năm	25/08/2033	9,5%/năm	Hợp tác đầu tư vào dự án Xa lộ Hà Nội	Không có tài sản đảm bảo.
CII Invest (ii)	257.191.802.555		30/09/2026	11,5%/năm	Hợp tác đầu tư vào dự án đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận giai đoạn 1	Không có tài sản đảm bảo.
3.305.508.821.715						

(i) Theo hợp đồng đã ký giữa Công ty và các bên liên quan này, các bên góp vốn hợp tác đầu tư sẽ được hưởng các khoản phân chia từ dự án hoặc theo giá trị tối thiểu đã thỏa thuận giữa hai bên tại từng thời điểm.

(ii) Khoản hợp tác đầu tư với CII Invest tương ứng với 40% tỷ lệ lợi ích tại Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận (trước đây được thực hiện với Công ty CII).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)**21. Vay và nợ thuê tài chính** (tiếp theo)**b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn** (tiếp theo)**Thông tin bổ sung cho các khoản trái phiếu chưa đáo hạn**

Trái phiếu BNTCH2433001 với tổng mệnh giá phát hành là 1.200 tỷ đồng

- Mệnh giá trái phiếu: 100.000.000 đồng/trái phiếu;
- Số lượng trái phiếu phát hành: 12.000;
- Trái chủ: Phát hành ban đầu cho Công ty CII, sau đó CII chuyển nhượng lại cho Công ty CII Invest (một công ty con của CII);
- Loại trái phiếu: trái phiếu doanh nghiệp không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không được bảo đảm bằng tài sản, không phải nợ thứ cấp;
- Ngày phát hành: 29 tháng 01 năm 2024;
- Kỳ hạn: 117 tháng kể từ ngày phát hành;
- Ngày đáo hạn: 29 tháng 10 năm 2033;
- Lãi trái phiếu: lãi suất cố định cho 4 kỳ tính lãi đầu tiên là 10,5%/năm; Lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo là lãi suất thả nổi với mức lãi suất bằng lãi suất cho vay trung hạn cùng kỳ hạn bình quân của 3 ngân hàng BIDV, ACB, Eximbank trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận được xác định vào Ngày xác định lãi suất (trường hợp tại Ninh Thuận không có chi nhánh của 3 ngân hàng trên thì sử dụng chi nhánh của 3 ngân hàng này tại tỉnh Khánh Hòa). Ngày xác định lãi suất của mỗi kỳ tính lãi là ngày đầu tiên của mỗi quý liền kề trước kỳ tính lãi đó. Nhằm làm rõ, mỗi năm tài chính sẽ bao gồm 4 quý và ngày đầu tiên của mỗi quý lần lượt là ngày 01 tháng 01, ngày 01 tháng 4, ngày 01 tháng 7 và ngày 1 tháng 10. Nếu Ngày xác định lãi suất không phải là ngày làm việc thì Ngày xác định lãi suất sẽ là ngày làm việc liền sau;
- Kỳ tính lãi và thanh toán lãi: 3 tháng/lần, trả lãi vào ngày cuối cùng của kỳ tính lãi;
- Mục đích sử dụng nguồn vốn: cơ cấu lại nợ của Công ty, cụ thể là thanh toán khoản nợ vay dài hạn của Công ty tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 11 theo Hợp đồng tín dụng số 60/2014-HĐTDDA/NHCT942-BOT NINH THUẬN ngày 26 tháng 8 năm 2014.

Đến ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã mua lại trước hạn 150 trái phiếu với tổng mệnh giá 15.000.000.000 đồng.

Trái phiếu HNHCH2433001 với tổng mệnh giá phát hành là 550 tỷ đồng

- Mệnh giá trái phiếu: 100.000.000 đồng/trái phiếu;
- Số lượng trái phiếu phát hành: 5.500;
- Trái chủ: Phát hành ban đầu cho Công ty CII, sau đó CII chuyển nhượng lại cho Công ty CII Invest (một công ty con của CII);
- Loại trái phiếu: trái phiếu doanh nghiệp không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không được bảo đảm bằng tài sản, không phải nợ thứ cấp;
- Ngày phát hành: 07 tháng 02 năm 2024;
- Kỳ hạn: 117 tháng kể từ ngày phát hành;
- Ngày đáo hạn: 07 tháng 11 năm 2033;
- Lãi trái phiếu: lãi suất cố định cho kỳ tính lãi đầu tiên là 10,1%/năm; lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo được xác định bằng bình quân lãi suất cho vay trung hạn được công bố của 4 (bốn) ngân hàng: Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam;
- Kỳ tính lãi và thanh toán lãi: 3 tháng/lần, trả lãi vào ngày cuối cùng của kỳ tính lãi;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**21. Vay và nợ thuê tài chính** (tiếp theo)**b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn** (tiếp theo)**Thông tin bổ sung cho các khoản trái phiếu chưa đáo hạn** (tiếp theo)

Trái phiếu HNHCH2433001 với tổng mệnh giá phát hành là 550 tỷ đồng (tiếp theo)

- Mục đích sử dụng nguồn vốn theo phương án phát hành đã được phê duyệt: thanh toán một phần khoản nợ vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tín dụng số 0037/2338/D-TL/01 ngày 15 tháng 6 năm 2023 với số tiền là 100 tỷ đồng, chi đầu tư cho dự án Mở rộng Xa lộ Hà Nội và Quốc lộ 1, đoạn từ Ngã Ba trạm 2 cũ đến nút giao Tân Vạn theo hình thức hợp đồng B.O.T với tổng giá trị là 450 tỷ đồng. Tính đến ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Công ty đã sử dụng 100 tỷ đồng để trả nợ vay cho Ngân hàng Ngoại thương và 25.151.988.578 đồng để thanh toán chi phí đầu tư cho dự án. Khoản tiền thu từ phát hành trái phiếu tạm thời chưa sử dụng đang được Công ty gửi vào các tài khoản tiết kiệm có kỳ hạn tại Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh 11.

Đến ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã mua lại trước hạn 250 trái phiếu với tổng mệnh giá 25.000.000.000 đồng.

Các khoản vay và nợ dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:*Lịch thanh toán của các khoản vay và hợp tác đầu tư dài hạn*

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ (Trình bày lại) VND
Trong vòng một năm	866.244.821.715	706.580.432.666
Trong năm thứ hai	871.115.000.000	892.490.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	4.887.215.492.999	5.222.285.492.999
Sau năm năm	6.833.723.835.717	7.265.029.116.044
	13.458.299.150.431	14.086.385.041.709
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng tới	(866.244.821.715)	(706.580.432.666)
Cộng	12.592.054.328.716	13.379.804.609.043

Lịch thanh toán của các khoản trái phiếu theo kế hoạch của Công ty

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ (Trình bày lại) VND
Trong vòng một năm	75.000.000.000	65.000.000.000
Trong năm thứ hai	85.000.000.000	75.000.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	115.000.000.000	200.000.000.000
Sau năm năm	1.435.000.000.000	1.370.000.000.000
	1.710.000.000.000	1.710.000.000.000
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng tới	(75.000.000.000)	(65.000.000.000)
Trừ: Chi phí phát hành trái phiếu (*)	(857.480.349)	(914.944.414)
Cộng	1.634.142.519.651	1.644.085.055.586

(*) Đây là các khoản chi phí phát hành trái phiếu được ghi nhận giảm trừ vào mệnh giá trái phiếu tại thời điểm phát hành. Chi phí này sẽ phân bổ dần vào chi phí đi vay theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của trái phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

22. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu		Thặng dư vốn	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 30 tháng 06 năm 2025								
Số đầu kỳ	1.928.547.650.000	3.657.748.096	106.028.174.597	1.892.285.908.596	1.754.316.228.137	5.684.835.709.426		
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	304.969.657.490	109.882.184.040	414.851.841.530		
Ảnh hưởng khi thay đổi tỷ lệ sở hữu trong công ty con	-	-	-	11.982.144	(47.288.144)	(35.306.000)		
Chia cổ tức	-	-	-	-	(78.227.398.905)	(78.227.398.905)		
Trích lập các quỹ, thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	(10.640.769.602)	(1.987.806.145)	(12.628.575.747)		
Số cuối kỳ	1.928.547.650.000	3.657.748.096	106.028.174.597	2.186.626.778.628	1.783.935.918.983	6.008.796.270.304		

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 07 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

Số đầu kỳ	1.928.547.650.000	3.657.748.096	106.028.174.597	2.186.626.778.628	1.783.935.918.983	6.008.796.270.304		
Tăng vốn trong kỳ	192.755.430.000	(518.918.182)	-	-	-	192.236.511.818		
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	205.410.603.618	98.582.968.833	303.993.572.451		
Chia cổ tức	-	-	-	(231.425.718.000)	(102.629.063.563)	(334.054.781.563)		
Số cuối kỳ	2.121.303.080.000	3.138.829.914	106.028.174.597	2.160.611.664.246	1.779.889.824.253	6.170.971.573.010		



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

22. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026						
Số đầu kỳ	2.121.303.080.000	3.138.829.914	106.028.174.597	2.160.611.664.246	1.779.889.824.253	6.170.971.573.010
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	148.236.621.763	112.749.538.104	260.986.159.867
Chia cổ tức	-	-	-	-	(24.500.000.000)	(24.500.000.000)
Trích lập các quỹ, thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	(10.763.509.792)	(1.009.400.000)	(11.772.909.792)
Số cuối kỳ	2.121.303.080.000	3.138.829.914	106.028.174.597	2.298.084.776.217	1.867.129.962.357	6.395.684.823.085

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**22. Vốn chủ sở hữu** (tiếp theo)**b. Cổ phiếu**

	Số cuối kỳ Cổ phiếu	Số đầu kỳ Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	212.130.308	212.130.308
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	212.130.308	212.130.308
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	212.130.308	212.130.308
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	212.130.308	212.130.308
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	212.130.308	212.130.308
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu		

c. Cổ tức

Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025 ngày 24 tháng 4 năm 2026 đã thông qua việc chia cổ tức bằng tiền mặt với tỷ lệ 17%, trong đó bao gồm 9% từ lợi nhuận sau thuế năm 2025 và 8% từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của các năm trước. Đến thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Công ty chưa thực hiện chốt quyền và chia cổ tức cho cổ đông. Đại hội đồng Cổ đông cũng thông qua kế hoạch chia cổ tức năm 2026 với tỷ lệ dự kiến từ 10% đến 12% lợi nhuận sau thuế năm 2026.

23. Các khoản mục ngoài báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Nợ khó đòi đã xử lý	40.619.445.950	40.619.445.950

Các khoản nợ khó đòi quá hạn thanh toán qua nhiều kỳ đã được Công ty trích lập dự phòng theo quy định. Sau khi thực hiện các biện pháp thu hồi nợ cần thiết, Công ty đánh giá, xác định một số các khoản nợ không có khả năng thu hồi và thực hiện xóa nợ đã trích lập dự phòng. Trong đó, các khoản nợ khó đòi lớn được xử lý xóa nợ bao gồm:

- Khoản phải thu phát sinh liên quan đến việc trả trước tiền mua khoản đầu tư với giá trị là 10.432.603.510 đồng từ một đối tác đã mất khả năng thanh toán;
- Khoản phải thu từ thực hiện thi công công trình với số tiền 28.036.056.691 đồng của một số đối tác hiện đã mất liên lạc.

Công ty vẫn tiếp tục thực hiện các biện pháp thu hồi các khoản nợ đã xử lý này và khi thu hồi được sẽ ghi nhận vào thu nhập khác của kỳ thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu thu phí giao thông	1.409.525.797.740	1.308.246.733.900
Doanh thu cung cấp dịch vụ	18.211.863.210	14.038.518.691
Doanh thu hoạt động duy tu	2.671.689.452	5.930.253.150
	1.430.409.350.402	1.328.215.505.741
Các khoản giảm trừ		
Hoàn nhập lãi bảo toàn vốn chủ của dự án B.O.T	(40.355.414.202)	(51.224.557.872)
	(40.355.414.202)	(51.224.557.872)
Doanh thu thuần	1.390.053.936.200	1.276.990.947.869
Trong đó, doanh thu phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan (xem <i>Thuyết minh VIII.4</i>)	17.262.051.535	18.441.490.263

2. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn hoạt động thu phí giao thông	442.809.094.949	437.258.279.239
Giá vốn cung cấp dịch vụ	16.761.162.586	13.909.745.635
Giá vốn hoạt động duy tu	2.178.624.932	4.689.094.162
Cộng	461.748.882.467	455.857.119.036

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Thu nhập tài chính từ dự án B.O.T (i)	62.225.385.982	188.831.955.062
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	28.997.212.562	42.826.049.204
Cộng	91.222.598.544	231.658.004.266
Trong đó, doanh thu tài chính phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan (xem chi tiết tại <i>Thuyết minh VIII.4</i>)	12.672.534.856	28.537.231.857

(i) Như đã trình bày tại Thuyết minh VI.5, khoản thu nhập phát sinh trong kỳ là khoản lợi ích tài chính từ Dự án đầu tư mở rộng Quốc lộ 1A, đoạn qua tỉnh Ninh Thuận, được ghi nhận nhằm phản ánh hợp lý giá trị tài sản của Công ty khi đầu tư vào dự án này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**4. Chi phí tài chính**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí lãi vay và các chi phí khác liên quan đến khoản vay	585.724.473.576	473.609.103.614
Trong đó, chi phí phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan (xem Thuyết minh VIII.4)	247.657.296.036	209.000.433.293

5. Chi phí bán hàng

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí dịch vụ thu hộ phí giao thông	45.991.243.792	48.773.871.963
Chi phí vận hành trạm thu phí	6.862.951.863	7.391.177.782
Chi phí nhân viên	1.665.424.738	3.548.644.056
Các khoản chi phí bán hàng khác	1.971.337.930	1.834.474.001
Cộng	56.490.958.323	61.548.167.802
Trong đó, chi phí phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan (xem Thuyết minh VIII.4)	22.654.075.195	21.747.670.235

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Phân bổ lợi thế thương mại	16.782.534.970	16.886.625.519
Chi phí nhân viên quản lý	12.851.635.407	12.078.175.078
Chi phí công cụ, dụng cụ văn phòng	333.644.124	797.700.568
Chi phí khấu hao và phân bổ giá trị hợp lý tăng thêm của tài sản cố định vô hình từ hợp nhất kinh doanh	32.892.088.812	33.144.791.090
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	6.164.538.270	6.264.538.270
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.628.798.249	4.824.281.211
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	5.206.222.920	2.989.629.248
Cộng	78.859.462.752	76.985.740.984

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Kỳ này VND	Kỳ trước (Trình bày lại) VND
Chi phí khấu hao tài sản cố định	366.400.768.999	354.132.039.906
Chi phí sửa chữa, duy tu, trung tu	113.775.684.347	105.467.878.203
Chi phí quản lý thu phí	61.767.346.956	56.196.917.443
Chi phí nhân công	36.294.669.992	34.764.141.558
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.435.515.593	31.165.599.020
Chi phí dự phòng	6.164.538.270	6.164.538.270
Chi phí bằng tiền khác	4.260.779.385	6.499.913.422
Cộng	597.099.303.542	594.391.027.822

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHÓA MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Kỳ này		Kỳ trước	
	Hoạt động được ưu đãi thuế VND	Hoạt động không được ưu đãi thuế VND	Cột g VND	Hoạt động không được ưu đãi thuế VND
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	535.444.167.394	(236.249.470.296)	299.194.697.098	657.112.239.722
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) cho thu nhập chịu thuế	126.610.846.204	205.803.734.310	332.414.580.514	54.922.887.782
Các khoản chi phí không được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp	124.300.403.833	83.163.887.446	207.464.291.279	54.922.887.782
Phân bổ lợi thế thương mại và quyền thu phí tăng thêm	-	49.227.549.768	49.227.549.768	-
Hoàn nhập lợi nhuận/lỗ chịu thuế bị bù trừ khi hợp nhất	2.310.442.371	73.412.297.096	75.722.739.467	-
Thu nhập chịu thuế	662.055.013.598	(30.445.735.986)	631.609.277.612	712.035.127.504
Lỗ năm trước mang sang	(51.777.430.160)	51.777.430.160	(60.116.849)	-
Bù trừ lãi và lỗ giữa các hoạt động	610.277.583.438	21.271.577.325	631.549.160.763	(71.975.830.665)
Thu nhập tính thuế	610.277.583.438	-	610.277.583.438	71.975.830.665
Thu nhập tính thuế chịu thuế suất 10%	-	38.054.112.295	38.054.112.295	55.164.306.353
Thu nhập tính thuế chịu thuế suất 20%	61.027.758.344	7.610.822.459	68.638.580.803	624.147.760.479
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-	-	15.911.536.360
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn (i)	(29.596.869.086)	-	-	65.597.083.320
Thuế TNDN được giảm 50% (i)	31.430.889.258	7.610.822.459	(29.596.869.086)	(19.670.052.573)
Chi phí thuế TNDN hiện hành				(20.168.152.919)

(i) Hoạt động đầu tư vào các dự án hạ tầng theo hợp đồng B.O.T và B.T được hưởng ưu đãi thuế theo quy định của luật thuế TNDN hiện hành. Cụ thể, thu nhập phát sinh từ các dự án đầu tư này được hưởng mức thuế suất ưu đãi là 10% trong vòng 15 năm, miễn thuế trong vòng 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**9. Lãi trên cổ phiếu***Lãi cơ bản trên cổ phiếu*

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	148.236.621.763	304.969.657.490
Trừ: Giá trị trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi và thù lao Hội đồng Quản trị	(3.563.720.805)	(3.543.206.994)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông Công ty mẹ sở hữu cổ phiếu phổ thông	144.672.900.958	301.426.450.496
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ	212.130.308	192.854.765
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	682	1.563

Lợi nhuận dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu của kỳ trước đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của kỳ so sánh nhằm phản ánh ảnh hưởng của quyết định phân phối lợi nhuận sau thuế chính thức của năm 2025 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 ngày 24 tháng 4 năm 2026.

Số trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi và thù lao kỳ này giảm trừ vào lợi nhuận dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu được ước tính với tỷ lệ 3% lợi nhuận sau thuế trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm lãi trên cổ phiếu trong kỳ kế toán và đến ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này. Do đó, lãi suy giảm trên cổ phiếu cũng bằng lãi cơ bản trên cổ phiếu.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Số tiền đi vay thực thu trong kỳ (mã số 33)		
Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	-	565.849.751.451
Tiền thu từ đi vay và hợp tác đầu tư với các Công ty trong tập đoàn	272.325.954.309	733.280.005.350
	272.325.954.309	1.299.129.756.801
Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ (mã số 34)		
Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	766.138.432.081	459.957.021.489
Tiền trả nợ vay và hợp tác đầu tư với các Công ty trong tập đoàn	64.419.680.256	534.940.022.648
	830.558.112.337	994.897.044.137

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**2. Cam kết thuê hoạt động - Công ty là bên đi thuê**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có các hợp đồng thuê văn phòng không thể hủy ngang, theo đó khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động như sau:

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Trong vòng một năm	5.369.175.837	4.652.327.263
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	5.099.917.685	6.408.066.574
Cộng	10.469.093.522	11.060.393.837

3. Báo cáo bộ phận

Để phục vụ cho mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành các bộ phận khác nhau. Theo đó, báo cáo bộ phận chính yếu dựa trên loại hình hoạt động sản xuất kinh doanh.

Kết quả báo cáo bộ phận bao gồm: các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm: tài sản, nợ phải trả, doanh thu hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các bộ phận hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm 3 bộ phận như sau: hoạt động thu phí giao thông; hoạt động thi công lắp đặt, duy tu công trình; cung cấp dịch vụ. Hoạt động cụ thể của từng bộ phận kinh doanh như sau:

- Hoạt động thu phí giao thông: thu phí giao thông hoàn vốn đầu tư xây dựng dự án cầu đường theo hợp đồng B.O.T;
- Hoạt động thi công lắp đặt, duy tu công trình: thi công lắp đặt thiết bị các công trình giao thông, duy tu bảo dưỡng các công trình công cộng;
- Hoạt động cung cấp dịch vụ: cho thuê văn phòng, kho bãi; tư vấn quản lý và khai thác thu phí giao thông và các dịch vụ khác.

Công ty lập báo cáo bộ phận theo 3 bộ phận kinh doanh này. Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

3. Báo cáo bộ phận (tiếp theo)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh kỳ này

	Hoạt động thu phí giao thông VND	Thi công lắp đặt, duy tu công trình VND	Cung cấp dịch vụ VND	Loại trừ giao dịch nội bộ VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần					
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1.369.170.383.538	2.671.689.452	18.211.863.210	-	1.390.053.936.200
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	21.864.619.701	12.595.436.671	(34.460.056.372)	-
Cộng	1.369.170.383.538	24.536.309.153	30.807.299.881	(34.460.056.372)	1.390.053.936.200
Giá vốn					
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp ra bên ngoài	442.809.094.949	(325.010.185)	16.761.162.586	-	459.245.247.350
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp giữa các bộ phận	-	21.864.619.701	477.010.185	(22.341.629.886)	-
Cộng	442.809.094.949	21.539.609.516	17.238.172.771	(22.341.629.886)	459.245.247.350
Lợi nhuận gộp bộ phận	926.361.288.589	2.996.699.637	13.569.127.110	(12.118.426.486)	930.808.688.850
Doanh thu hoạt động tài chính					91.222.598.544
Chi phí tài chính					585.724.473.576
Chi phí bán hàng					56.490.958.323
Chi phí quản lý doanh nghiệp					78.859.462.752
Thu nhập khác					896.405.565
Chi phí khác					154.466.093
Chi phí thuế TNDN hiện hành					39.041.711.717
Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN hoãn lại					(833.174.486)
Tổng lợi nhuận sau thuế					263.489.794.984

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

3. Báo cáo bộ phận (tiếp theo)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh kỳ trước

	Hoạt động thu phí giao thông VND	Thi công lắp đặt, duy tu công trình VND	Cung cấp dịch vụ VND	Loại trừ giao dịch nội bộ VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần					
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1.257.022.176.028	5.930.253.150	14.038.518.691	-	1.276.990.947.869
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	28.402.531.647	8.601.362.269	(37.003.893.916)	-
Cộng	1.257.022.176.028	34.332.784.797	22.639.880.960	(37.003.893.916)	1.276.990.947.869
Giá vốn					
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp ra bên ngoài	437.258.279.239	4.689.094.162	13.909.745.635	-	455.857.119.036
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp giữa các bộ phận	-	26.021.506.957	1.471.756.320	(27.493.263.277)	-
Cộng	437.258.279.239	30.710.601.119	15.381.501.955	(27.493.263.277)	455.857.119.036
Lợi nhuận gộp bộ phận	819.763.896.789	3.622.183.678	7.258.379.005	(9.510.630.639)	821.133.828.833
Doanh thu hoạt động tài chính					231.658.004.266
Chi phí tài chính					473.609.103.614
Chi phí bán hàng					61.548.167.802
Chi phí quản lý doanh nghiệp					76.985.740.984
Thu nhập khác					74.529.729
Chi phí khác					309.674.747
Chi phí thuế TNDN hiện hành					36.791.739.099
Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN hoãn lại					(11.229.904.948)
Tổng lợi nhuận sau thuế					414.851.841.530

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

3. Báo cáo bộ phận (tiếp theo)

Bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty hoạt động tại chủ yếu tại Thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Đồng Tháp, tỉnh Khánh Hòa, tỉnh Vĩnh Long. Bộ phận quản lý, thi công lắp đặt duy tu công trình, dịch vụ cho thuê mặt bằng và tư vấn được đặt tại Thành phố Hồ Chí Minh, hoạt động thu phí giao thông được thực hiện tại các tỉnh còn lại. Dưới đây là phân tích tài sản và nợ phải trả, doanh thu thuần, giá vốn và lợi nhuận gộp của Công ty theo khu vực địa lý, không tính đến xuất xứ của hàng hóa, dịch vụ:

	Thành phố Hồ Chí Minh		Tỉnh Đồng Tháp	Tỉnh Khánh Hòa	Tỉnh Vĩnh Long	Loại trừ nội bộ	Tổng cộng
	VND	VND					
Bảng cân đối kế toán							
Số dư cuối kỳ							
Tài sản ngắn hạn	3.174.583.034.463	355.862.174.412	253.398.595.058	351.589.866.737	(2.454.986.415.841)	1.680.447.254.829	
Tài sản dài hạn	11.162.740.412.661	9.589.098.384.740	3.568.674.398.679	1.662.633.078.460	(4.595.648.839.099)	21.387.497.435.441	
Nợ phải trả	8.395.329.673.121	7.986.642.594.174	2.608.600.861.199	680.379.477.599	(2.998.692.738.908)	16.672.259.867.185	
Số dư đầu kỳ (Trình bày lại)							
Tài sản ngắn hạn	3.145.393.989.855	464.373.003.155	255.185.547.162	368.640.647.001	(2.348.644.109.638)	1.884.949.077.535	
Tài sản dài hạn	6.624.181.508.570	9.835.272.549.418	3.434.622.156.745	1.728.287.578.323	(16.876.765.105)	21.605.487.027.951	
Nợ phải trả	8.543.957.397.391	8.464.544.723.938	2.354.395.184.991	783.240.254.841	(2.826.673.028.685)	17.319.464.532.476	
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh							
Kỳ này							
Doanh thu thuần	358.193.954.599	777.453.956.303	89.754.155.555	130.191.813.371	34.460.056.372	1.390.053.936.200	
Giá vốn	111.668.453.602	270.832.996.309	29.908.694.297	71.680.368.145	(22.341.629.886)	461.748.882.467	
Lợi nhuận gộp	246.525.500.997	506.620.959.994	59.845.461.258	58.511.445.226	56.801.686.258	928.305.053.733	
Kỳ trước							
Doanh thu thuần	421.801.613.971	609.335.217.829	82.917.235.332	199.940.774.653	(37.003.893.916)	1.276.990.947.869	
Giá vốn	124.815.927.194	218.154.791.064	26.444.592.831	113.935.071.224	(27.493.263.277)	455.857.119.036	
Lợi nhuận gộp	296.985.686.777	391.180.426.765	56.472.642.501	86.005.703.429	(9.510.630.639)	821.133.828.833	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**4. Bên liên quan****Bên liên quan****Mối quan hệ**

Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh ("CII")	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy ("NBB")	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc Điện Biên Phủ	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu đường Bình Triệu	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH Đô thị xanh Sài Gòn Long Khánh (i)	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Cầu Sài Gòn	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH BOT Cao tốc Sài Gòn - Mỹ Thuận	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH Đối tác Công tư CII	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH Thương mại Đầu tư CII ("CII invest")	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII ("CII E&C")	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Dịch vụ và Đầu tư CII	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Hạ tầng Trung Bộ	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH Xây dựng - Thương mại - Dịch vụ - Sản xuất Hùng Thanh	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH Hương Trà	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Quảng Ngãi	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Tam Phú	Công ty liên kết của tập đoàn
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty	Nhân sự quản lý chủ chốt

- (i) Công ty TNHH Đô thị xanh Sài Gòn Long Khánh đã giải thể ngày 22 tháng 6 năm 2026, do đó không còn là bên liên quan của Công ty kể từ ngày này.

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Công ty CII E&C	1.073.813.502	3.758.347.258
Công ty TNHH Đối tác công tư CII	648.000.000	-
Công ty TNHH BOT Cao tốc Sài Gòn - Mỹ Thuận	364.016.469	-
Công ty TNHH MTV Dịch vụ và Đầu tư CII	-	7.782.451.918
Cộng	2.085.829.971	11.540.799.176
Trả trước cho người bán ngắn hạn		
Công ty TNHH MTV Dịch vụ và Đầu tư CII	11.588.125.388	-
Phải thu khác		
Công ty TNHH MTV Dịch vụ và Đầu tư CII	339.112.000	98.469.000
Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc Điện Biên Phủ	716.725.800	716.725.800
Cộng	1.055.837.800	815.194.800
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn		
Công ty CII E&C	286.117.895.359	280.690.232.438
Công ty CII	120.695.485.209	127.850.613.274
Cộng	406.813.380.568	408.540.845.712

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**4. Bên liên quan** (tiếp theo)**Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán** (tiếp theo)

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Phải trả người bán ngắn hạn		
Công ty CII E&C	8.258.848.615	34.119.490.054
Công ty TNHH MTV Dịch vụ và Đầu tư CII	3.524.199.988	16.618.608.372
Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc Điện Biên Phủ	15.554.920	-
Cộng	11.798.603.523	50.738.098.426
Người mua trả tiền trước ngắn hạn		
Công ty TNHH MTV Dịch vụ và Đầu tư CII	10.963.357.464	-
Phải trả cổ tức, lợi nhuận		
Công ty CII	537.819.021.422	544.650.853.731
Công ty TNHH MTV Dịch vụ và Đầu tư CII	2.388.733.607	2.388.733.607
Cộng	540.207.755.029	547.039.587.338
Chi phí phải trả - Lãi trái phiếu		
Công ty CII Invest	10.225.347.946	9.583.919.182
Phải trả khác		
Công ty CII	30.985.038.010	28.120.669.045
Công ty TNHH MTV Dịch vụ và Đầu tư CII	415.112.000	174.469.000
Cộng	31.400.150.010	28.295.138.045
Vay và nợ thuê tài chính		
Công ty CII	613.467.199.470	456.460.696.748
Công ty CII Invest	3.881.512.438.541	3.745.219.789.639
Công ty CII E&C	1.297.585.471.010	1.349.933.198.949
Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc Điện Biên Phủ	896.250.000.000	926.250.000.000
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	854.481.548.150	857.469.233.717
Cộng	7.543.296.657.171	7.335.332.919.053

Trong kỳ, Công ty đã phát sinh các giao dịch trọng yếu sau với các bên liên quan

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Công ty TNHH MTV Dịch vụ và Đầu tư CII	14.925.556.574	18.354.792.733
Công ty CII	1.027.777.778	26.697.530
Công ty TNHH BOT Cao tốc Sài Gòn - Mỹ Thuận	648.717.183	-
Công ty TNHH Đối tác công tư CII	600.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy	60.000.000	60.000.000
Cộng	17.262.051.535	18.441.490.263

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**4. Bên liên quan** (tiếp theo)

Trong kỳ, Công ty đã phát sinh các giao dịch trọng yếu sau với các bên liên quan (tiếp theo)

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu hoạt động tài chính		
Công ty CII E&C	8.253.839.302	299.178.082
Công ty CII	4.418.695.554	28.238.053.775
Cộng	12.672.534.856	28.537.231.857
Chi phí tài chính		
Công ty CII E&C	73.691.127.290	72.613.068.007
Công ty CII Investi	67.087.919.177	41.614.728.970
Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc Điện Biên Phủ	52.431.095.890	51.072.609.589
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	40.349.068.898	41.567.188.563
Công ty CII	14.098.084.781	2.132.838.164
Cộng	247.657.296.036	209.000.433.293

Ngoài các giao dịch đã được trình bày ở trên, trong kỳ Công ty còn phát sinh các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Công ty CII		
Nhận tiền hỗ trợ vốn	121.848.000.000	85.000.000.000
Chuyển tiền hỗ trợ vốn	7.000.000.000	32.185.000.000
Thu hồi tiền hỗ trợ vốn	13.993.404.746	396.392.889.814
Cổ tức, lợi nhuận đã chia trong kỳ	24.499.459.459	76.725.026.249
Chi trả cổ tức trong kỳ	31.331.291.768	39.682.463.103
Chi phí lãi vay, lãi trái phiếu	14.242.769.472	60.719.197.127
Công ty CII E&C		
Hoàn trả tiền hợp tác đầu tư	39.800.175.855	12.547.654.594
Nhận tiền hợp tác đầu tư	-	480.000.000.000
(Điều chỉnh giá trị công trình)/Chi phí thi công xây dựng	(4.634.557.787)	1.586.612.419
Chuyển tiền hỗ trợ vốn	-	300.000.000.000
Công ty TNHH MTV Dịch vụ và Đầu tư CII		
Chi phí dịch vụ thu phí giao thông	22.203.981.924	19.885.024.447
Chi phí duy tu, xây lắp, cảnh quan, sửa chữa bảo trì đường bộ	10.946.058.554	29.913.561.118
Thanh toán lợi nhuận	-	6.655.351.829
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm		
Hoàn trả tiền hợp tác đầu tư	437.685.567	-
Nhận tiền hợp tác đầu tư	-	8.718.351.364
Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc Điện Biên Phủ		
Mua dịch vụ	1.748.676.357	1.637.446.859
Hoàn trả tiền hợp tác đầu tư	-	17.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**4. Bên liên quan** (tiếp theo)

Trong kỳ, Công ty đã phát sinh các giao dịch trọng yếu sau với các bên liên quan (tiếp theo)

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Công ty CII Invest		
Nhận tiền hỗ trợ vốn	35.750.000.000	79.211.158.499
Hoàn trả tiền hỗ trợ vốn	-	17.975.000.000
Chi phí lãi vay, lãi trái phiếu	126.936.176.614	61.378.779.452
Hoàn trả tiền hợp tác đầu tư	-	480.000.000.000

Trong kỳ, Công ty chi trả thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
<u>Hội đồng Quản trị</u>			
Ông Nguyễn Văn Thành	Chủ tịch	287.073.000	167.707.286
Ông Jose Ma. Kamantigue Lim	Phó Chủ tịch	112.296.000	-
Ông Rodrigo Emmanuel Franco	Phó Chủ tịch	117.362.000	134.165.829
Ông Lê Quốc Bình	Thành viên	191.382.000	111.804.858
Ông Nguyễn Văn Chính	Thành viên	191.382.000	111.804.858
Ông Francis Gerard Elizaga Aberilla	Thành viên	191.382.000	111.804.858
Ông Lê Văn Nam	Thành viên độc lập	191.382.000	111.804.858
Ông Luis Soriano Reñon	Thành viên độc lập	93.604.000	-
Ông Christopher Daniel C. Lizo	Thành viên độc lập	97.778.000	111.804.858
Ông Đặng Quang Phục	Thư ký	57.414.000	33.541.455
Cộng		1.531.055.000	894.438.860

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Trưởng ban Kiểm soát	153.105.000	89.443.886
Bà Dương Thị Long Nghi	Thành viên	114.829.000	67.082.915
Bà Lương Kim Diên An	Thành viên	114.829.000	67.082.915
Cộng		382.763.000	223.609.716

Tiền lương, thưởng và các khoản thu nhập khác Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác được hưởng trong kỳ:

Họ và tên	Chức vụ	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Ông Nguyễn Văn Chính	Tổng Giám đốc	1.416.400.000	1.059.538.734
Ông Nguyễn Duy Minh	Phó Tổng Giám đốc	1.104.400.000	462.552.722
Ông Francis Gerard Elizaga Aberilla	Phó Tổng Giám đốc	756.400.000	639.452.307
Bà Lương Thị Thu Yến	Kế toán trưởng	443.400.000	338.737.500
Cộng		3.720.600.000	2.500.281.263

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**5. Số liệu so sánh**

Như đã trình bày tại Thuyết minh số III, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026, Công ty đã áp dụng Thông tư 99 và Thông tư 43 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Theo đó, một số số liệu kỳ trước đã được trình bày lại theo hướng dẫn của Thông tư 99 và Thông tư 43 để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này, cụ thể như sau:

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

Mã số	Khoản mục		Số đầu kỳ (Đã được trình bày trước đây)	Trình bày lại	Số đầu kỳ (Được trình bày lại)
112	Các khoản tương đương tiền	(1)	231.812.128.908	(1.034.442.677)	230.777.686.231
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	(2)	649.014.313.830	444.708.747.644	1.093.723.061.474
124	Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	(3)	(*)	(25.082.988.344)	(25.082.988.344)
135	Phải thu về cho vay ngắn hạn	(4)	436.796.234.770	(436.796.234.770)	(**)
135	Phải thu ngắn hạn	(5)	449.668.904.459	(8.554.108.358)	441.114.796.101
136	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(3)	(89.766.619.297)	25.082.988.344	(64.683.630.953)
165	Tài sản ngắn hạn khác	(1)	-	1.500.000.000	1.500.000.000
215	Phải thu về cho vay dài hạn	(6)	1.194.200.000	(1.194.200.000)	(**)
265	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	(6)	-	1.370.238.161	1.370.238.161
313	Phải trả cổ tức, lợi nhuận	(7)	(*)	581.178.617.560	581.178.617.560
320	Phải trả ngắn hạn khác	(7), (8)	784.024.610.497	(734.759.050.226)	49.265.560.271
321	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	(8)	894.068.578.419	118.580.432.666	1.012.649.011.085
338	Phải trả dài hạn khác	(8)	3.231.684.800.220	(3.223.072.708.962)	8.612.091.258
339	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	(8)	11.765.816.955.667	3.258.072.708.962	15.023.889.664.629

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

VIII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

5. Số liệu so sánh (tiếp theo)

(*) Các chỉ tiêu mới của báo cáo tình hình tài chính hợp nhất theo Thông tư 99 và Thông tư 43.

(**) Các chỉ tiêu của báo cáo tình hình tài chính hợp nhất không còn được trình bày theo Thông tư 99 và Thông tư 43.

(1) Phân loại:

- Phân loại các khoản tiền bị hạn chế khả năng sử dụng sang tài sản ngắn hạn khác và;
- Số tiền lãi phải thu của khoản tương đương tiền từ phải thu ngắn hạn khác sang các khoản tương đương tiền.

(2) Phân loại:

- Số dư phải thu về cho vay ngắn hạn sang đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn.
- Số tiền lãi phải thu của các khoản tiền gửi có kỳ hạn và khoản cho vay từ phải thu ngắn hạn khác sang đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn.

(3) Phân loại dự phòng các khoản cho vay từ dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi sang dự phòng tổn thất các khoản đầu tư ngắn hạn khác.

(4) Phân loại số dư phải thu về cho vay ngắn hạn sang đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn.

(5) Số tiền lãi phải thu của các khoản tiền gửi và khoản cho vay từ phải thu ngắn hạn khác sang tương đương tiền và đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

(6) Phân loại phải thu về cho vay dài hạn sang đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn.

(7) Phân loại phải trả cổ tức từ phải trả ngắn hạn khác sang phải trả cổ tức, lợi nhuận.

(8) Phân loại các khoản phải trả từ hợp đồng hợp tác đầu tư sang vay và nợ thuê tài chính.

6. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ngày 06 tháng 7 năm 2026, Công ty đã thông qua Quyết định số 08/2026 về việc giảm vốn điều lệ tại Công ty TNHH MTV Cầu đường Hiền An Bình từ 610 tỷ đồng xuống 287 tỷ đồng. Ngày 07 tháng 7 năm 2026, công ty con đã hoàn tất thủ tục giảm vốn điều lệ và hoàn trả lại cho Công ty mẹ số tiền giảm vốn 323 tỷ đồng.

Ngoài sự kiện nêu trên, không còn sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán và đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty.

Phùng Thị Thắm
Người lập biểu

Lương Thị Thu Yến
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Chính
Tổng Giám đốc